

(Dự thảo)

Tiểu Cần, ngày tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về Giáo dục năm 2023 đối với xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định quyết số 1417/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 22/KH-BCĐ ngày 17/4/2023 của Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 36-KH/HU ngày 06/8/2021 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 04/4/2023 của Huyện ủy về xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao và xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu;

Căn cứ Quyết định số 2396/QĐ-UBND, ngày 17/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tiểu Cần giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 72/KH-UBND, ngày 04/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện Phong trào thi đua “Tiểu Cần cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 25/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về triển khai thực hiện xây dựng huyện Tiểu Cần đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;

- Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 27/2/2023 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện Tiểu Cần giai đoạn 2021 - 2025 về việc thực hiện Chương trình mục

tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện Tiểu Cần năm 2023;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Phú Cần tại Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 22/11/2023 về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã Phú Cần đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã Phú Cần, UBND huyện Tiểu Cần báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023 đối với xã Phú Cần, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (ngày 30/11/2023)

1. Về hồ sơ

Hồ sơ đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023 của xã Phú Cần gồm:

- Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 22/11/2023 về việc đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã Phú Cần đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023.

- Biên bản họp ngày 22/11/2023 của UBND xã Phú Cần đề nghị xét, công nhận xã Phú Cần đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023.

- Báo cáo số 140/BC-UBND ngày 22/11/2023 của UBND xã Phú Cần về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu đến năm 2023 trên địa bàn xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Báo cáo số 139/BC-UBND ngày 22/11/2023 của UBND xã Phú Cần về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023 trên địa bàn xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Báo cáo số 183/BC-UBND ngày 06/11/2023 của UBND xã Phú Cần về tình hình xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã từ năm 2021 đến năm 2023.

2. Về kết quả chỉ đạo xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu

Xác định xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu là một chương trình phát triển kinh tế - xã hội tổng thể, toàn diện và lâu dài, từng bước phải đạt được những kết quả cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện và nguồn lực của địa phương. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Nghị quyết của Huyện ủy về xây dựng thành công xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023, Đảng ủy xã kịp thời xây dựng Nghị quyết và tổ chức triển khai, quán triệt sâu rộng trong cán bộ đảng viên, đoàn viên, hội viên và tầng lớp Nhân dân trên địa bàn xã, quyết tâm thực hiện chủ trương về xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu đã đề ra. UBND xã xây dựng kế hoạch và phân công các ngành phụ trách các tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Định kỳ hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng tổ chức cuộc họp sơ kết đánh giá.

3. Xã Phú Cần đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2020 tại Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Trà Vinh, giai đoạn 2018 - 2020. Đến nay, xã Phú Cần được UBND huyện xác nhận hoàn thành nâng chất 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 tại Công văn số 4690/UBND-KTNN ngày 15/11/2023 của UBND huyện Tiểu Cần.

4. Về thu nhập bình quân đầu người của xã

Năm 2023 thu nhập bình quân của xã đạt 75,02 triệu đồng/người/năm.

5. Về mô hình thông minh

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, trong những năm qua, trên địa bàn xã Phú Cần có nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ, công nghệ cao trong sản xuất, như mô hình “Trồng dưa lưới trong nhà màng sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt tự động”. Mô hình được thực hiện tại ấp Đại Trường và ấp Sóc Tre với 04 hộ tham gia thực hiện, diện tích 0,45 ha, việc áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt tự động sẽ mang lại hiệu quả tích cực trong việc sử dụng nước, vừa kết hợp tưới và bón phân thông qua hệ thống tưới sẽ làm giảm lượng phân bón trong quá trình sử dụng, tăng hiệu quả hấp thụ dinh dưỡng, giảm được một số bệnh thường gặp trên dưa lưới, tăng năng suất cây trồng, giảm chi phí lao động, góp phần tăng thu nhập cho người dân.

6. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu Giáo dục

6.1. Kết quả thực hiện các tiêu chí chung

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu là 4/4 tiêu chí chung, đạt 100%, cụ thể:

6.1.1. Tiêu chí 1: Mô hình áp thông minh

a) Yêu cầu tiêu chí

6.1.1.1. Có mô hình kinh tế được thực hiện tự động hóa từ 80% trở lên các công đoạn hoặc mô hình sản xuất nông nghiệp có hệ thống tưới tự động theo hướng tuần hoàn.

6.1.1.2. Người dân tiếp cận được thông tin (về chủ trương, chính sách, an ninh trật tự, khoa học kỹ thuật, thủ tục hành chính, hoặc tiền điện, nước,...) trên app điện thoại thông minh, Cổng thông tin điện tử tỉnh Trà Vinh, mạng xã hội chính thống.

6.1.1.3. Ít nhất 90% hộ dân thanh toán tiền điện hoặc tiền nước không bằng tiền mặt hoặc ít nhất 80% hồ sơ được nộp trực tuyến.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

6.1.1.1. Ấp Sóc Tre có mô hình trồng dưa lưới trong nhà màng, diện tích 1.000m² có áp dụng công nghệ tiên tiến như: Được lắp đặt hệ thống tưới tự động theo hướng tuần hoàn (tưới nhỏ giọt tự động). Ngoài ra, các hộ dân còn sử dụng máy chế xịt thuốc và tưới phân động cơ, máy tưới nước động cơ,... góp phần giảm công lao động đem lại hiệu quả kinh tế cao. Nhìn chung, các khâu sản xuất nông nghiệp trên địa bàn ấp được cơ giới hóa trên 90%; Nhằm từng bước đưa các mặt hàng nông sản ra thị trường đảm bảo an toàn, chất lượng.

6.1.1.2. Đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn ấp có 798/974 người dân sử dụng thiết bị điện tử thông minh như: Tivi, điện thoại di động, máy tính bảng, laptop,... chiếm tỷ lệ 81,93%. Thông qua đó, người dân có thể tiếp cận được thông tin về chủ trương, chính sách, an ninh trật tự, kỹ thuật, thủ tục hành chính, hoặc tiền điện, tiền nước,... trên app, cổng thông tin điện tử Trà Vinh, mạng xã hội chính thống.

6.1.1.3. Trong năm 2023 người dân ấp Sóc Tre đăng ký 26 hồ sơ trực tuyến, kết quả UBND xã đã tiếp nhận và giải quyết 26/26 hồ sơ, đạt 100%.

c) Kết quả tự đánh giá: Đạt.

6.1.1.2. Tiêu chí 2: Sản xuất

a) Yêu cầu tiêu chí

6.1.2.1. Có mô hình liên kết chuỗi cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với kinh tế tuần hoàn và sử dụng công nghệ cao.

6.1.2.2. Ít nhất 01 Hợp tác xã nông nghiệp sử dụng nền tảng số trong quản lý và điều hành.

6.1.2.3. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn ≥ 3 sao hoặc tương đương còn thời hạn.

6.1.2.4. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực hoặc sản phẩm OCOP của xã được bán qua kênh thương mại điện tử 10%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

6.1.2.1. Xã có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao như mô hình sản xuất lúa vùng kênh bê tông, với diện tích 110 ha, thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị cung ứng giống, vật tư đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm thông qua Hợp tác xã nông nghiệp Phú Cần ký kết với các Công ty. Mô hình này có sử dụng công nghệ ngập khô xen kẽ được Trường Đại học Trà Vinh tài trợ.

6.1.2.2. Xã có Hợp tác xã nông nghiệp Phú Cần sử dụng nền tảng số trong quản lý và điều hành như: Sử dụng nền tảng quản lý tài chính, xuất hóa đơn điện tử trong quá trình hoạt động kinh doanh,...

6.1.2.3. Trên địa bàn xã có 6 sản phẩm được công nhận đạt chuẩn OCOP và còn thời hạn như: Mật hoa dừa 5 sao; Đường mật hoa dừa 5 sao; Nước uống mật hoa dừa 4 sao; Giấm mật hoa dừa 4 sao; Nước tương mật hoa dừa 4 sao; Mật hoa dừa lên men 4 sao. Sản phẩm được sản xuất gắn với vùng nguyên liệu tập trung, đảm bảo các yêu cầu về an toàn thực phẩm; có thương hiệu sản phẩm, có bao bì, nhãn mác theo quy định; có kênh phân phối ổn định và hiệu quả.

6.1.2.4. Xã có 6 sản phẩm OCOP của Công ty TNHH Trà Vinh Farm, trong đó có 6/6 sản phẩm được bán qua kênh thương mại điện tử, đạt 100%.

- Tổng kinh phí thực hiện:	4,43 tỷ đồng, trong đó:
+ Vốn Trung ương:	1,05 tỷ đồng.
+ Vốn tỉnh:	2,05 tỷ đồng.
+ Vốn doanh nghiệp:	0,28 tỷ đồng.
+ Vốn dân:	1,05 tỷ đồng.

c) Kết quả tự đánh giá: Đạt.

6.1.3. Tiêu chí 3: Cảnh quan môi trường

a) Yêu cầu tiêu chí

6.1.3.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 96\%$.

6.1.3.2. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 6\text{m}^2/\text{người}$.

6.1.3.3. Có tuyến đường trồng chuyên biệt hoặc trồng kết hợp cây xanh, cây cảnh, hoa nhưng có một loại chủ đạo, đảm bảo sáng, xanh - sạch - đẹp, nổi trội, chiều dài $\geq 3\text{km}$.

6.1.3.4. Có mô hình phân loại, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt và mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp ≥ 1 mô hình.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

6.1.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại ở các tuyến đường chính, cơ quan, trường học,... được thu gom, xử lý theo quy định, đạt 96,98%.
Cụ thể:

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt:

+ Chất thải rắn thải sinh hoạt phát sinh khoảng: 5,2 tấn/ngày (*tương đương 11.560 người*0,45 kg/ngày*).

+ Xã bố trí 65 thùng chứa rác thải loại 120 và 240 lít để thu gom rác thải sinh hoạt của xã tại các hộ gia đình tuyến Quốc lộ 60 - 54, tuyến đường Võ Thị Sáu, Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan, trường học đóng trên địa bàn xã,... vận chuyển bằng xe chuyên dụng, số lượt lấy là 02 ngày/lần về bãi rác tập trung của huyện để xử lý.

- Về thu gom xử lý chất thải rắn không nguy hại: Bao gồm chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng; phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý theo quy định: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đúng quy định. Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh từ hoạt động xây dựng và cải tạo cơ quan, trường học nhà ở hộ gia đình, chuồng trại, vật nuôi,... còn giá trị sử dụng được tái chế, tái sử dụng theo quy định; đất, đá, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng được tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng theo quy định, không ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.

+ Phụ phẩm nông nghiệp lĩnh vực trồng trọt: Là sản phẩm phụ phát sinh trong quá trình chăm sóc, thu hoạch, sơ chế sản phẩm cây trồng và sản phẩm cây trồng tại khu vực canh tác. Phụ phẩm nông nghiệp có 02 dạng: Dạng vô cơ (vỏ bao gói, túi đựng, chai lọ, màng phủ, vật chắn, lưới chắn, giá cây,...) xã có bố trí 20 bể chứa vỏ bao gói, túi đựng, chai lọ, màng phủ, hàng năm phát sinh khoảng 01 tấn được thu gom, hoặc tái chế xử lý theo quy định và dạng hữu cơ (rom rạ, vỏ trái cây, phân thải loại từ hoạt động sơ chế, chế biến) phát sinh hàng năm trên 63 tấn, được người dân tái sử dụng và tái chế bằng các biện pháp như: Làm thức ăn gia súc, ủ thành phân hữu cơ truyền thống được sử dụng để làm phân bón cho cây trồng; làm vật liệu độn chuồng, đệm lót sinh học trong chăn nuôi; làm giá thể trồng nấm, trồng cây; sử dụng trực tiếp: cày vùi, che phủ gốc cây trồng, che phủ đất,...

+ Phụ phẩm nông nghiệp lĩnh vực chăn nuôi: Chất thải được thu gom ủ làm phân bón cho cây trồng hoặc ủ làm khí gas. Toàn xã có 203/768 hộ chăn nuôi lắp đặt hầm bioga để xử lý chất thải trong chăn nuôi, 568/768 hộ dùng biện pháp ủ để làm phân bón. Nước thải đối với các hộ chăn nuôi có quy mô lớn đều có kế hoạch bảo vệ môi trường trong chăn nuôi và biện pháp xử lý phù hợp, hộ chăn nuôi nhỏ lẻ UBND xã khuyến cáo đào hố lắng tuyệt đối không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

+ Phụ phẩm nông nghiệp lĩnh vực thủy sản: Trên địa bàn xã không có cơ sở nuôi trồng thủy sản quy mô lớn, các hộ nuôi thủy sản chủ yếu là tận dụng ao ruộng vườn để thả cá phục vụ nhu cầu cung cấp thực phẩm hàng ngày cho gia đình nên không đưa vào đánh giá tiêu chí.

6.1.3.2. Dọc hai bên các tuyến đường chính, đường liên ấp, trục ấp, các hộ gia đình và các khu vực công cộng như các cơ quan, trường học trên địa bàn xã đều có trồng cây cảnh, hoa làm hàng rào cổng và sân vườn,... với tổng diện tích trồng cây xanh (*bao gồm cả cây bóng mát, cây cảnh, hoa và thảm cỏ,...*) bình quân ước đạt $89.280\text{m}^2/11.560$ người, chiếm tỷ lệ $7,72\text{m}^2/\text{người}$.

6.1.3.3. Trên địa bàn xã có tuyến đường Quốc lộ 60 từ Cầu Đập Bà Lãnh đến hết đường Võ Thị Sáu trồng cây kết hợp như: Cây sao, cây kèn hồng, cây me, với tổng chiều dài 3 km đảm bảo sáng, xanh - sạch - đẹp. Ngoài ra xã còn tuyến Quốc lộ 54 từ Cầu Cần Chông đến Chùa Đại Trường trồng cây chuyên biệt là cây hoàng yến, với tổng chiều dài 5,2 km.

6.1.3.4. Xã có mô hình khu dân cư tự quản về môi trường của Hội Liên hiệp Phụ nữ xã, với 100 thành viên; mô hình khu dân cư gắn với cơ sở tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, với 11 thành viên; mô hình thu gom và phân loại rác thải của Trường Trung học cơ sở Phú Cần, Trường Tiểu học Phú Cần A, Trường Tiểu học Phú Cần B và Trường Mẫu giáo Phú Cần. Mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp trên địa bàn xã Phú Cần.

- Tổng kinh phí thực hiện:	48,55 tỷ đồng, trong đó:
+ Vốn tỉnh:	45,00 tỷ đồng.
+ Vốn huyện:	1,80 tỷ đồng.
+ Vốn dân:	1,75 tỷ đồng.

c) Kết quả tự đánh giá: Đạt.

6.1.4. Tiêu chí 4: Chuyển đổi số

a) Yêu cầu tiêu chí

6.1.4.1. Tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp ở mức độ 4.

6.1.4.2. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 60%.

6.1.4.3. Có ít nhất 90% cán bộ của bộ phận một cửa được đánh giá ở mức 4 và 5 (theo thang 5 mức độ: 1 = rất không hài lòng, 2 = không hài lòng, 3 = bình thường, 4 = hài lòng và 5 = rất hài lòng) về dịch vụ hành chính công điện tử 100%.

6.1.4.4. Trên 90% doanh nghiệp tham gia đánh giá xác định mức độ chuyên đổi số trên cổng thông tin chỉ số chuyên đổi số doanh nghiệp (dbi.gov.vn); tối thiểu 30% doanh nghiệp áp dụng 01 nền tảng số phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.1.4.5. Xã có tổ công nghệ số cộng đồng.

6.1.4.6. Tỷ lệ các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội được gán địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số $\geq 50\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

6.1.4.1. Xã có dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp ở mức độ 4.

6.1.4.2. Tính đến tháng 11/2023 đã tiếp nhận và giải quyết 506/512 hồ sơ trực tuyến, đạt 98,83%.

6.1.4.3. Xã có 03 công chức bộ phận một cửa, được đánh giá đạt ở mức 4 về dịch vụ hành chính công điện tử.

6.1.4.4. Xã có 17/17 công ty, doanh nghiệp đang hoạt động tham gia đánh giá xác định mức độ chuyên đổi số trên cổng thông tin chỉ số chuyên đổi số doanh nghiệp (dbi.gov.vn), đạt 100%; Có 100% doanh nghiệp áp dụng nền tảng số quản lý tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.1.4.5. Xã thành lập 08 Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn 08 ấp, với 40 thành viên (theo Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của UBND xã Phú Cần).

6.1.4.6. Trên địa bàn xã có 19 cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội gồm: Cơ quan, trường học, trạm y tế, bưu điện, nhà văn hóa xã, ấp,... đã được gán địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.

- Tổng kinh phí thực hiện:	0,72 tỷ đồng, trong đó:
+ Vốn huyện:	0,27 tỷ đồng.
+ Vốn doanh nghiệp:	0,40 tỷ đồng.
+ Vốn dân:	0,18 tỷ đồng.

c) Kết quả tự đánh giá: Đạt.

6.2. Kết quả thực hiện tiêu chí chọn

Xã chọn Tiêu chí số 1 Về giáo dục để đăng ký thực hiện tiêu chí kiểu mẫu, kết quả rà soát đánh giá đạt.

Tiêu chí số 1 về Giáo dục

a) Yêu cầu tiêu chí

1.1. Có mô hình giáo dục môi trường và thực hiện phân loại rác trong trường học.

1.2. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại “khá”, trong đó chỉ tiêu về kết quả học tập thường xuyên của người lao động đạt ≥ 3 điểm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

1.1. Trên địa bàn xã có 4 Trường gồm: Trường Mẫu giáo Phú Cần, Trường Tiểu học Phú Cần A, Tiểu học Phú Cần B và THCS Phú Cần có mô hình “*Giáo dục môi trường và thực hiện phân loại rác thải*” theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND xã Phú Cần.

1.2. Năm 2022 cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại “tốt”, trong đó chỉ tiêu về kết quả học tập thường xuyên của người lao động được đánh giá đạt 4/4 điểm (*theo Quyết định số 07/QĐ-PGDĐT ngày 17/01/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiểu Cần*).

c) Kết quả tự đánh giá: Đạt.

7. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu

Tính đến thời điểm hiện tại, đơn vị xã Phú Cần không có nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

8. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu

- Xã giữ vững nâng chất các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu.
- Phần đầu có 8/8 áp được công nhận áp nông thôn mới kiểu mẫu.
- Phần đầu thực hiện duy trì và đạt trên 98% hộ gia đình văn hóa - nông thôn mới.
- Nâng cao bộ mặt nông thôn của xã về kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển theo hướng tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên và hệ thống chính trị của xã ngày càng vững mạnh.
- Thu nhập bình quân hàng năm đạt theo quy định.
- Xã không còn hộ nghèo, hộ cận nghèo (*trừ hộ nghèo, hộ cận nghèo không khả năng lao động*).
- Duy trì từ 95% trở lên người dân tham gia bảo hiểm y tế.
- Có trên 90% hộ dân được sử dụng nước sạch.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Xã Phú Cần có đầy đủ các văn bản theo quy định.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu

Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới mẫu về Giáo dục của xã Phú Cần đã được UBND huyện Tiểu Cần thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về Giáo dục tính đến thời điểm thẩm tra là: 4/4 tiêu chí chung và 1/1 tiêu chí chọn về Giáo dục, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Tính đến thời điểm được UBND huyện thẩm tra, đơn vị xã Phú Cần không có nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan đến công tác xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

III. KIẾN NGHỊ

Chủ tịch UBND tỉnh thẩm tra công nhận xã Phú Cần đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TT.BCĐ tỉnh;
- VPĐP tỉnh;
- TT.HU;
- TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- BCĐ huyện;
- VPĐP huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT, KTNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Dự thảo)

Tiểu Cần, ngày tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao
đối với xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh**

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định quyết số 1417/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 22/KH-BCĐ ngày 17/4/2023 của Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 36-KH/HU ngày 06/8/2021 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 04/4/2023 của Huyện ủy về xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao và xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu;

Căn cứ Quyết định số 2396/QĐ-UBND, ngày 17/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tiểu Cần giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 72/KH-UBND, ngày 04/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện Phong trào thi đua “Tiểu Cần cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 25/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về triển khai thực hiện xây dựng huyện Tiểu Cần đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;

- Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 27/2/2023 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống

văn hóa huyện Tiểu Cần giai đoạn 2021 - 2025 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện Tiểu Cần năm 2023;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Ngãi Hùng tại Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 22/11/2023 về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã Ngãi Hùng đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Ngãi Hùng, UBND huyện Tiểu Cần báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã Ngãi Hùng, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (ngày 29/11/2023)

1. Về hồ sơ

Hồ sơ đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023 của xã Ngãi Hùng gồm:

- Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 22/11/2023 về việc đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã Ngãi Hùng đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023.

- Biên bản họp ngày 22/11/2023 của UBND xã Ngãi Hùng đề nghị xét, công nhận xã Ngãi Hùng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

- Báo cáo số 85/BC-UBND ngày 21/11/2023 của UBND xã Ngãi Hùng về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2023 trên địa bàn xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Báo cáo số 87/BC-UBND ngày 22/11/2023 của UBND xã Ngãi Hùng về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao năm 2023 trên địa bàn xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Báo cáo số 86/BC-UBND ngày 22/11/2023 của UBND xã Ngãi Hùng về tình hình xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã từ năm 2018 đến năm 2023.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Căn cứ các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện và trên cơ sở quan điểm lãnh, chỉ đạo của tỉnh, huyện, xã Tập Ngãi đã ban hành 10 văn bản triển khai thực hiện Chương trình, cụ thể:

- Ban hành Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa xã giai đoạn 2021 - 2025 với 28 thành viên do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban;

- Ban hành Quyết định số 61/QĐ-BCĐ ngày 05/8/2022 về việc thành lập Ban quản lý các chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa xã Ngãi Hùng giai đoạn 2021 - 2025;

- Ban hành 07 quyết định thành lập Ban phát triển 07/07 áp¹.

- Ban chỉ đạo có xây dựng kế hoạch phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên phụ trách từng tiêu chí và báo cáo trực tiếp kết quả được phân công phụ trách qua cuộc họp báo chiều thứ 2 hàng tuần theo quy chế; thường xuyên sơ, tổng kết và đề ra giải pháp thực hiện thời gian tới.

3. Xã Ngãi Hùng được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới vào cuối năm 2017 theo Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

4.1.1 Tiêu chí số 1: Quy hoạch:

a) Yêu cầu của tiêu chí

4. 1.1 Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch (Đạt).

4.1.2 Có chế độ quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch (Đạt).

4.1.3 Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc chi tiết xây dựng khu dân cư mới phù hợp với kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên (Đạt).

b) Kết quả thực hiện:

Xã luôn thực hiện điều chỉnh bổ sung quy hoạch theo quy định. Được UBND huyện phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và đồ án điều chỉnh quy hoạch. Các bản vẽ quy hoạch được niêm yết công khai tại UBND xã để người dân biết và thực hiện. Có quy chế quản lý quy hoạch được UBND huyện phê duyệt. Nhìn chung xã đã cơ bản thực hiện đúng theo quy hoạch. Cụ thể:

4.1.1. Có lưu trữ đầy đủ hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã Nông thôn mới được phê duyệt theo quy định²; Bản đồ quy hoạch được công bố niêm yết công khai tại UBND xã để người dân biết và thực hiện.

4.1.2. Có quy định quản lý quy hoạch được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt³ và tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

¹ Quyết định số: 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71 của UBND xã Ngãi Hùng về việc thành lập ban phát triển áp Ngãi Hùng, Ngãi Chánh, Chánh Hội A, Chánh Hội B, Ngã Tư, Ngãi Phú, Ngãi Thuận.

² Quyết định số 2676 /QĐ-UBND ngày 30/8//2013 của UBND huyện Tiểu Cần về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch nông thôn mới xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần và Quyết định 2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND huyện Tiểu Cần về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch nông thôn mới xã Ngãi hùng, Tiểu Cần, Trà Vinh.

³ Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND huyện Tiểu Cần về việc ban hành Quy định quản lý theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung của xã Ngãi Hùng, Tiểu Cần, Trà Vinh.

4.1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã và quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với quy hoạch cấp trên⁴.

c) Tổng kinh phí thực hiện: 0,61 tỷ đồng, trong đó:

+ *Vốn tỉnh: 0,61 tỷ đồng.*

Tự đánh giá: Đạt

4.2. Tiêu chí số 2: Giao thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí

4.2.1 Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, giảm tốc độ, cây xanh ..) theo quy định (100%).

4.2.2 Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp;

- Được cứng hóa và bảo trì hàng năm (100%).

- Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, giảm tốc độ, cây xanh ..) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp ($\geq 80\%$).

4.2.3 Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng xanh sạch đẹp ($\geq 90\%$).

4.2.4 Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa ($\geq 70\%$).

b) Kết quả thực hiện

Từ khi được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới đến nay, xã được trên tiếp tục đầu tư thực hiện các công trình:

- Xây dựng mới, sửa chữa nâng cấp 03 tuyến trục ấp, đường ngõ xóm, dài 7.800 m.

- Xây dựng mới 02 tuyến đường trục chính nội đồng dài 1.770 m.

- Nâng cấp và xây mới 09 cây cầu GTNT.

- Xây dựng mới 03 tuyến đèn chiếu sáng.

4.2.1. Toàn xã có 8,5/8,5 km đường xã được nhựa hóa đạt 100% (Tinh lộ 912=0,3km; Hương lộ 38=7 km; Đường Chánh Hội B-Phước Hưng=1,2 km) được trên bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết như: biển báo, chỉ dẫn, chiếu sáng, giảm tốc độ, cây xanh,..

4.2.2. Đường liên ấp, trục ấp xã có 02 tuyến, tổng chiều dài 7,5/7,5 km, đạt tỷ lệ 100%; đều có bố trí các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo,

⁴ Quyết định số 3767/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND huyện Tiểu Cần về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Ngãi Hùng, Tiểu Cần, Trà Vinh.

biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và 6,4 km đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đạt 85,33%.

4.2.3. Đường ngõ xóm có 20 tuyến được cứng hóa 18,716/20,4 km và đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp, đạt 91,75 %.

4.2.4. Đường trục chính nội đồng 05 tuyến đường nội đồng dài 7,9 km, đảm bảo vận chuyển hàng hóa của bà con, đến nay được cứng hóa 5,59/7,9 km, đạt 70,76 %.

c) Tổng kinh phí thực hiện: 76,01 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn Trung ương: 56,08 tỷ đồng.*

- *Vốn địa phương: 17,23 tỷ đồng.*

+ *Vốn tỉnh: 2,68 tỷ đồng.*

+ *Vốn huyện: 14,55 tỷ đồng.*

+ *Vốn lồng ghép: 0,16 tỷ đồng*

- *Vốn dân: 2,58 tỷ đồng.*

Tự đánh giá: Đạt

4.3. Tiêu số 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai.

a) Yêu cầu của tiêu chí

4.3.1 Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động ($\geq 90\%$).

4.3.2 Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững (Đạt).

4.3.3 Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước ($\geq 50\%$ diện tích cây trồng chủ lực của xã được tưới tiên tiến tiết kiệm nước).

4.3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm (Đạt).

4.3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi (Đạt).

4.3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (Đạt khá trở lên).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Xã được trên đầu tư nạo vét lại 16 tuyến kênh với tổng chiều dài 12.150 m, đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất của người dân, đặc biệt là Nông nghiệp.

Bên cạnh đó, trong công tác phòng chống thiên tai, xã kết hợp với Ban nhân dân các ấp tổ chức tuyên truyền hướng dẫn kỹ năng ứng phó biến đổi khí

hậu và phòng, chống thiên tai cho cán bộ ấp và Nhân dân trong xã, nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác ứng phó khi có thiên tai xảy ra. Cụ thể:

4.3.1. Xã có diện tích đất nông nghiệp 1.742,02 ha trong đó: diện tích đất sản xuất nông nghiệp 1.733,49 ha. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động là 1.733,49 ha, đạt 100% diện tích.

4.3.2. Xã có thành lập 01 tổ Hợp tác dùng nước trong canh tác lúa ấp Ngãi Hưng, Ngãi Chánh có xây dựng Quy chế, Kế hoạch (tổ chức thủy lợi) hiện đi vào hoạt động có hiệu quả phục vụ cho 28 thành viên sản xuất lúa.

4.3.3. Cây trồng chủ lực của xã lúa và dứa. Có 826/880 ha diện tích đất trồng lúa được tưới tiêu tiên tiến, tiết kiệm nước, chiếm 93,86%; 536/589,93 ha diện tích đất trồng (cây dứa) được tưới tiêu tiên tiến, tiết kiệm nước, chiếm 90,86%.

4.3.4. Có 46 tuyến kênh dài 66,382 km, (trong đó 01 tuyến kênh cấp I dài 3,2 km, 15 tuyến kênh cấp II dài 32,452 km; 30 kênh cấp III, dài 30,93 km); có 49 bọng được kiên cố hóa lắp đặt ở các tuyến kênh đầu mối (24 bọng phi 100, 04 bọng phi 80, 21 bọng phi 60), đảm bảo tưới tiêu và chủ động được nước 1.742,02 ha đất nông nghiệp, đạt 100%. Các tuyến kênh luôn được nạo vét kịp thời đảm bảo nguồn nước phục vụ tưới tiêu cho sản xuất của người dân, đạt 100%⁵.

4.3.5. Có 72 cơ sở sản xuất kinh doanh luôn đảm bảo các quy định về môi trường, có phương án bảo vệ môi trường, đạt 100%. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi của các hộ trồng trọt và chăn nuôi luôn đảm bảo⁶ không gây ảnh hưởng đến ô nhiễm nguồn nước trên địa bàn.

4.3.6. Luôn kịp thời củng cố kiện toàn đội ngũ phòng chống thiên tai⁷, Chủ động phối hợp đưa cán bộ đi tập huấn nâng cao trình độ, năng lực chủ động theo phương châm 4 tại chỗ, đội ngũ phòng chống thiên tai trên địa bàn xã luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, kết quả đánh giá theo bảng chấm điểm được 70 điểm.

c) Tổng kinh phí thực hiện: 226,89 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn Trung ương:* 224,60 tỷ đồng

- *Vốn địa phương:* 2,29 tỷ đồng

+ *Vốn tỉnh:* 1,87 tỷ đồng.

+ *Vốn huyện:* 0,42 tỷ đồng.

⁵ Nạo vét được 16 tuyến kênh trên địa bàn 07/07 ấp.

⁶ 358 hộ sử dụng nước sinh hoạt và chăn nuôi.

⁷ Quyết định số: 17/UBND, ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã về kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã Ngãi Hưng.

- *Vốn dân: 0,45 tỷ đồng.*

Tự đánh giá: Đạt

4.4. Tiêu chí số 4: Điện:

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định ($\geq 90\%$).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Toàn xã có 41,97 km đường dây trung áp, hạ áp và 39 trạm biến áp đáp ứng phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn xã, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Toàn xã có 1.883/1.883 hộ sử dụng điện thường xuyên và an toàn, đạt 100%.

** Tổng kinh phí thực hiện: 0,35 tỷ đồng, trong đó:*

- *Vốn dân: 0,35 tỷ đồng.*

Tự đánh giá: Đạt

4.5. Tiêu chí số 5: Giáo dục:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 (100%).

4.5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (Đạt).

4.5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (Mức độ 3).

4.5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ (Mức độ 2).

4.5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại (Khá).

4.5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền (Đạt).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

4.5.1. Xã có 3/3 điểm trường đạt chuẩn về cơ sở vật chất, đạt 100% (Trường THCS, Trường TH và Trường Mẫu giáo). Trong đó có 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, theo Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 07/7/2020, của UBND tỉnh Trà Vinh (Trường THCS Ngãi Hùng).

4.5.2. Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, theo Quyết định số 3473/QĐ-UBND, ngày 01/11/2023 của UBND huyện Tiểu Cần.

4.5.3. Xã đạt đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, THCS mức độ 3, theo Quyết định số 3473/QĐ-UBND ngày 01/11/2023, của UBND huyện Tiểu Cần.

4.5.4. Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ mức độ 2, theo Quyết định số 3473/QĐ-UBND ngày 01/11/2023, của UBND huyện Tiểu Cần.

4.5.5. Cộng đồng học tập cấp xã năm 2022 được đánh giá, xếp loại tốt, theo Quyết định 272/QĐ-UBND ngày 31/1/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tiểu Cần.

4.5.6. Có 02 mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể dục, kỹ năng, sức bền như: Mô hình câu lạc bộ cầu lông, bóng chuyền hơi của Trường Trung học cơ sở Ngãi Hùng; Mô hình câu lạc bộ cầu lông của trường Tiểu học, theo Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND xã Ngãi Hùng.

c) Tổng kinh phí thực hiện: 1,95 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn địa phương: 1,95 tỷ đồng*

+ *Vốn tỉnh: 1,75 tỷ đồng.*

+ *Vốn huyện: 0,20 tỷ đồng.*

Tự đánh giá: Đạt

6. Tiêu chí số 6: Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên (Đạt).

4.6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định (Đạt).

4.6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới (Đạt).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xây dựng Nhà văn hóa ấp Chánh Hội A và nâng cấp hoàn thiện nhà văn hóa các ấp còn lại đạt tiêu chuẩn quy định; thực hiện hoàn thành công trình UBND xã hạng mục vỉa hè sửa chữa khu hành chính xã tạo khuôn viên xanh - sạch - đẹp. Được trên đầu tư các dụng cụ vui chơi giải trí cho người già và trẻ em, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu vui chơi, giải trí cho người già và trẻ em. Cụ thể:

4.6.1. Có Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án: Xây mới, cải tạo sửa chữa nhà văn hóa xã, Nhà văn hóa ấp. Mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa xã, nhà văn hóa ấp và dụng cụ thể dục thể thao Ngoài trời theo Quyết định số 2317/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND huyện Tiểu Cần; Sân bóng đá xã 7.500m², tận dụng khuôn viên nhà văn hóa và khu thể thao 07/07 ấp, sân trường học, lắp đặt các dụng cụ ngoài trời làm điểm vui chơi, giải trí và thể thao

cho trẻ em và người cao tuổi; Thành lập và duy trì các câu lạc bộ Đơn ca tài tử, câu lạc bộ đống đá, bóng chuyền Hàng năm Ủy ban nhân dân xã tổ chức các giải bóng đá, bóng chuyền, kéo co, giao lưu đờn ca tài tử... thu hút hơn 1.250 lượt người tham gia.

4.6.2. Xã có Khu căn cứ Tỉnh ủy trên địa bàn ấp Ngãi Hưng được kiểm kê di tích lịch sử theo Quyết định số 135 ngày 18/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh.

4.6.3. Hàng năm 07/07 ấp được công nhận ấp đạt chuẩn ấp văn hóa, ấp Nông thôn mới. Năm 2023 có 07/07 ấp được trên công nhận ấp đạt chuẩn ấp Văn hóa, ấp Nông thôn mới.

c) Tổng kinh phí thực hiện: 3,45 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Trung ương: 1 tỷ đồng.

- Vốn địa phương: 2,45 tỷ đồng

+ Vốn huyện: 2,45 tỷ đồng.

Tự đánh giá: Đạt

4.7. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm (Đạt).

b) Kết quả thực hiện:

Xã có 01 chợ loại III với diện tích 2.300 m² với diện tích nhà lồng chợ 400 m² đảm bảo cho việc buôn bán của người dân. Xây dựng nhà vệ sinh công cộng gồm 02 phòng, diện tích 12m² và hệ thống cấp, thoát nước đảm bảo khô thoáng. Có bố trí nơi để xe và bố trí người giữ xe, đảm bảo an toàn. Có bố trí bình chữa cháy trong khu vực chợ. Được Ủy ban nhân dân Huyện Tiểu Cần ban hành quyết định thành lập ban quản lý chợ với 15 thành viên⁸; Quyết định phê duyệt nội quy chợ⁹; Phương án bố trí, sắp xếp các ngành hàng¹⁰ và được niêm yết công khai đúng quy định. Có bố trí cân đối chứng tại chợ để nhân dân kiểm tra hàng hóa. Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ đều thực hiện đúng quy định. 64/64 hộ kinh doanh mua bán điều đăng ký kinh doanh và đảm bảo môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định. Ủy ban nhân dân xã thực hiện ký kết hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải với tần suất 01 lần/01 ngày đảm bảo vệ sinh môi trường.

c) Tổng kinh phí thực hiện: 3 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn địa phương:

⁸ Theo Quyết định số: 3516/QĐ-UBND, ngày 31/10/2022 của UBND huyện Tiểu Cần.

⁹ Theo Quyết định số: 3248/QĐ-UBND, ngày 28/11/2017 của UBND huyện Tiểu Cần.

¹⁰ Theo Quyết định số: 2803/QĐ-UBND, ngày 19/09/2023 của UBND huyện Tiểu Cần.

+ *Vốn huyện: 3 tỷ đồng.*

Tự đánh giá: Đạt

4.8. Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân (Đạt).

4.8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh. (80%)

4.8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông (Đạt).

4.8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới (Đạt).

4.8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...) (Đạt).

b) Kết quả thực hiện:

4.8.1. Xã có 01 điểm Bưu điện văn hóa đang hoạt động tốt đảm bảo cung cấp 02 dịch vụ bưu chính và viễn thông đạt tiêu chuẩn theo quy định.

4.8.2. Sự phát triển của khoa học công nghệ ngày càng cao đòi hỏi nhu cầu tất yếu của người dân phải cập nhật được công nghệ áp dụng vào đời sống. Hiện nay toàn xã có 5.106/4.572 người dùng thuê bao điện thoại thông minh (dân số theo độ tuổi lao động), đạt 111,68%.

4.8.3. Có 07/07 ấp được cung cấp dịch vụ điện thoại, đăng nhập Internet đáp ứng nhu cầu truy cập thông tin, đọc báo và liên lạc cho Nhân dân, 01 điểm bưu điện,...

4.8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội (*sử dụng hệ thống điện tử, các phần mềm trong quản lý ISO, đoàn viên, hội viên,...*). Đồng thời sử dụng phần mềm thông tin điện tử thành phần vào công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống, kinh tế- xã hội và lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới, đã đưa 04 cán bộ tập huấn cập nhật cơ sở dữ liệu.

4.8.5. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân dễ dàng truy cập Internet Ủy ban nhân dân xã có mạng wifi miễn phí tại UBND xã, Trạm y tế,...

c) Tổng kinh phí thực hiện: 4,35 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn địa phương:*

- *Vốn doanh nghiệp: 0,25 tỷ đồng.*

- *Vốn dân: 4,1 tỷ đồng.*

Tự đánh giá: Đạt

4.9. Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư

4.9.1 Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố (90%).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Từ năm 2018 đến nay trên địa bàn toàn xã xây dựng được trên đầu tư 64 căn nhà cho gia đình chính sách theo quyết định số 22, được sự hỗ trợ của các mạnh thường quân trong và ngoài tỉnh xây dựng 57 căn nhà đại đoàn kết, nhà tình thương cho hộ nghèo hộ cận nghèo, 20 căn nhà theo Nghị quyết 04, 04 căn nhà đồng đội, người dân tự xây dựng 80 căn nhà. Hiện xã không còn nhà tạm bợ dột nát, hộ không có đất ở. Đến nay số hộ có nhà ở đạt chuẩn của Bộ xây dựng là 1.840/1.883 hộ, đạt 97,72 %.

c) Tổng kinh phí thực hiện: 30,25 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn địa phương: 4,70 tỷ*
- + *Vốn tỉnh: 3,10 tỷ đồng.*
- + *Vốn huyện: 1,60 tỷ đồng.*
- *Vốn tín dụng: 1 tỷ đồng.*
- *Vốn doanh nghiệp: 1,64 tỷ đồng.*
- *Vốn lồng ghép: 1,11 tỷ đồng.*
- *Vốn dân: 21,80 tỷ đồng.*

Tự đánh giá: Đạt

4.10. Tiêu chí số 10: Thu nhập

Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người), cụ thể:

- Năm 2021: ≥ 60 triệu đồng/người/năm;
- Năm 2022: ≥ 64 triệu đồng/người/năm;
- Năm 2023: ≥ 68 triệu đồng/người/năm;
- Năm 2024: ≥ 72 triệu đồng/người/năm;
- Năm 2025: ≥ 76 triệu đồng/người/năm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các ngành đoàn thể tập trung chỉ đạo vận động người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trong sản xuất, phối hợp với các Phòng ban, ngành huyện mở các lớp đào tạo nghề, tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác, xây dựng nhiều mô hình kinh tế làm ăn có hiệu quả, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, giảm nghèo bền vững.

Bên cạnh đó UBND xã phối hợp với các Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng chính sách xã hội huyện tạo mọi điều kiện cho người dân vay vốn phát triển sản xuất, nhất là trồng trọt và chăn nuôi, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

Ban chỉ đạo xã chỉ đạo Công chức Văn phòng tổng hợp thống kê UBND xã kết hợp với Ban nhân dân các ấp tổ chức điều tra thu nhập. Qua kết quả thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt 88.753.000 đồng/người/năm.

Tự đánh giá: Đạt

4.11. Tiêu chí số 11: Nghèo đa chiều:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (trừ các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội) chiếm dưới 2.5%.

b) Kết quả thực hiện:

- Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các ngành có liên quan thường xuyên gặp gỡ, quan tâm, đối thoại với hộ nghèo để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, những khó khăn của các hộ nghèo. Từ đó có giải pháp giúp đỡ tháo gỡ, động viên hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.

Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội để hỗ trợ cho hộ nghèo¹¹. Qua kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều cuối năm 2023, hiện xã có 10 hộ nghèo, 52 hộ cận nghèo (trong đó có 6 hộ nghèo bảo trợ, 11 hộ cận nghèo bảo trợ), chiếm 2,4% so với tổng số hộ chung.

c) Tổng kinh phí thực hiện: 3,87 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Trung ương: 0,32 tỷ đồng.

- Vốn địa phương: 0,68 tỷ đồng.

+ Vốn huyện: 0,68 tỷ đồng.

- Vốn lồng ghép: 2,5 tỷ đồng

- Vốn dân: 0,37 tỷ đồng.

Tự đánh giá: Đạt

4.12. Tiêu chí số 12: Lao động.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

¹¹ Thực hiện Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Dự án nuôi bò sinh sản, Dự án nuôi vịt thịt; Cho vay vốn xây dựng nhà ở theo Nghị quyết số 04 của HĐND tỉnh; Cho vay vốn giải quyết việc làm, phát triển sản xuất,... của ngân hàng Chính sách xã hội huyện. Tặng 4.289 phần quà cho hộ nghèo và các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ dịch covid 19,...

4.12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ($\geq 75\%$).

4.12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ($\geq 30\%$).

4.12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn ($\geq 35\%$).

b) Kết quả thực hiện:

- Xã đã thực hiện hoàn thành hồ sơ cho 49 lao động đi làm nước ngoài theo hợp đồng, tạo việc làm mới 2.450 lao động trong và ngoài tỉnh. Bên cạnh tập trung cho công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tạo điều kiện làm ăn để duy trì việc làm thường xuyên cho 2.331 lao động tại địa phương, cụ thể:

4.12.1. Trên địa bàn xã có 3.490/4.572 lao động đã qua đào tạo, chiếm tỷ lệ 76,3 %.

4.12.2. Toàn xã có 1.620/4.572 lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, đạt 35,43 %.

4.12.3. Có 2.331/4572 lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực của xã, đạt 50,98 %.

c) Tổng kinh phí thực hiện: 5 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn tín dụng: 3 tỷ đồng.*

- *Vốn dân: 2 tỷ đồng.*

Tự đánh giá: Đạt

4.13. Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định (≥ 1).

4.13.2. Xã có ít nhất 01 sản phẩm được công nhận đạt chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên và còn thời hạn (≥ 1).

4.13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm (≥ 1).

4.13.4. Có ít nhất 01 sản phẩm chủ lực có ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc (≥ 1).

4.13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử ($\geq 10\%$).

4.13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng (Đạt)

4.13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội (nếu có) (Đạt)

4.13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) (≥ 1).

b) Kết quả thực hiện:

4.13.1. Xã có 02 Hợp tác xã.¹² Trong đó Hợp tác xã dịch vụ Nông Nghiệp Thanh Nhân mới thành lập; Hợp tác xã Nông nghiệp Ngãi Hùng hoạt động chủ yếu liên kết thu mua dứa trái cho thành viên. Hợp tác xã Nông nghiệp Ngãi Hùng thực hiện ký hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định thu mua dứa trái cho thành viên với công Ty Trà Bắc và Công Ty Petrimex diện tích 217,05 ha. Qua đánh giá theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/2/2020 Hợp tác xã nông nghiệp Ngãi Hùng xếp loại khá.

4.13.2. Xã có 01 sản phẩm nước màu dứa của Công ty TNHH MTV SXTM Dương Phát, ấp Ngã Tư được công nhận đạt chuẩn OCOP 3 sao theo Quyết định số 248/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh công nhận kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP tỉnh Trà Vinh năm 2022.

4.13.3. Có mô hình trồng dứa hữu cơ diện tích 217,05 ha của 248 hộ được thực hiện liên kết thu mua sản phẩm với HTX Nông nghiệp Ngãi Hùng.

4.13.4. Xã có 01 sản phẩm chủ lực dứa hữu cơ được thực hiện ứng dụng chuyển đổi số, truy xuất nguồn .

4.13.5. Các sản phẩm từ dứa: nước màu dứa, cơm dứa, chỉ sơ dứa của Công ty Dương Phát được quảng bá rộng rãi qua kênh thương mại điện tử, Zalo, Facebook... nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và giá cả thị trường, qua đó đã kết nối được đầu ra cho sản phẩm nâng cao thu nhập ổn định cho người dân trên địa bàn xã.

4.13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng đối với cây dứa, giấy xác nhận số 115/GXN-SNN, ngày 05/9/2023 của Sở Nông Nghiệp và PTNT tỉnh Trà Vinh xác nhận cấp mã vùng trồng.

4.13.7. Trên địa bàn xã không có điểm du lịch.

4.13.8. Có mô hình dứa hữu cơ diện tích 217,05 ha với 248 hộ, phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

c) Tổng kinh phí thực hiện: 1,6 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn địa phương:*

+ *Vốn tỉnh: 1,08 tỷ đồng.*

¹² Hợp tác xã nông nghiệp Ngãi Hùng vốn điều lệ 500.000.000 đồng có 100 thành viên, Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Thanh Nhân vốn điều lệ 100.000.000 đồng với 09 thành viên.

+ *Vốn huyện: 0,26 tỷ đồng.*

- *Vốn dân: 0,26 tỷ đồng.*

Tự đánh giá: Đạt.

4.14 Tiêu chí số 14: Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ($\geq 95\%$).

4.14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ($\geq 90\%$).

4.14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ($\geq 40\%$).

4.14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử ($\geq 70\%$).

b) Kết quả thực hiện:

Thực hiện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho đối tượng người có công, bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức thu nhập trung bình,... bên cạnh đó xã chỉ đạo các ngành có liên quan tập trung vận động người dân tham gia mua bảo hiểm y tế, thu thập các thông tin, cài áp hồ sơ sức khỏe điện tử đảm bảo các yêu cầu của người dân về y tế, cụ thể như sau:

4.14.1. Toàn xã có 6.525/6.753 người dân có bảo hiểm y tế, đạt tỷ lệ 96,62%.

4.14.2. Thực hiện thu thập thông tin, nhập phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe được 6.740/ 6.753 người, đạt 99,81%.

4.14.3. Sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa 695/1.733 người, đạt 40,10%.

4.14.4. Người dân có sổ khám chữa bệnh điện tử 2.418/1.733 khẩu, đạt 139,53%.

c) Tổng kinh phí thực hiện: 30 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn Trung ương: 5,60 tỷ đồng.*

- *Vốn địa phương: 24,4 tỷ đồng.*

+ *Vốn tỉnh: 12,7 tỷ đồng.*

- *Vốn dân: 11,7 tỷ đồng.*

Tự đánh giá: Đạt.

4.15. Tiêu chí số 15: Hành chính công:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (Đạt).

4.15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên (Đạt).

4.15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định không để xảy ra khiếu nại vượt cấp (Đạt).

b) Kết quả thực hiện:

4.15.1. Thực hiện tốt công tác cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định, từng bước nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, không gây phiền hà cho Nhân dân. Trong năm tiếp nhận giải quyết 4.810 hồ sơ, trả kết quả hồ sơ đúng hạn đạt 100%. rà soát, tiến hành xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính cấp xã được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành. Tiếp nhận 350 văn bản các loại của trên gửi đến; ban hành 640 văn bản chỉ đạo điều hành liên quan đến các lĩnh vực. Thực hiện tốt việc duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Đồng thời, thực hiện tốt công tác gửi, nhận văn bản điện tử qua hệ thống I-Office.

4.15.2. Công tác giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định không gây phiền hà cho người dân và không có khiếu nại.

4.15.3. Có 100% cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, trong thực hiện nhiệm vụ có thể hiện tốt đạo đức công vụ như: tác phong, ứng xử, thái độ,... khi tiếp xúc Nhân dân, đúng theo quy định tại Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg, ngày 02/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 1847/QĐ-TTg, ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ; Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV, ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương. Công tác giải quyết thủ tục hành chính luôn đảm bảo không gây ra phiền hà, khiếu nại của người dân.

Tự đánh giá: Đạt

4.16. Tiêu chí số 16: Tiếp cận pháp luật:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận ($\geq 1\%$).

4.16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành ($\geq 90\%$).

4.16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu ($\geq 90\%$).

b) Kết quả thực hiện:

4.16.1. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật luôn được quan tâm, đảm bảo. Công tác hòa giải ở cơ sở hoạt động đạt hiệu quả cao được trên công nhận là xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hàng năm¹³. Được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã đến nay thành lập nhiều mô hình điển hình, trong đó lấy ý kiến đánh giá có 02 mô hình hoạt động hiệu quả được trên công nhận¹⁴.

4.16.2. Công tác hòa giải ở cơ sở luôn được quan tâm lãnh, chỉ đạo, Tổ hòa giải ở cơ sở luôn được kiện toàn kịp thời khi có sự thay đổi về cán bộ do đáp ứng yêu cầu công tác, hàng năm hòa giải viên luôn được đưa đi đào tạo tập huấn về kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở. Năm 2023 nhận 05 đơn hòa giải thành 05 đơn đạt 100%. Kết quả hòa giải thành nên không có đối tượng yêu cầu trợ giúp pháp lý.

4.16.3. Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh tổ chức 15 cuộc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và tư vấn pháp luật cho người dân ở các ấp với 750 lượt người dân dự tại buổi tuyên truyền có 8 người dân tư vấn pháp lý trong lĩnh đất đai, hôn nhân được chuyên viên trợ giúp pháp lý giải trình, đạt 100%.

Tự đánh giá: Đạt

4.17 Tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường (Đạt)

4.17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường ($\geq 100\%$).

4.17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định ($\geq 95\%$).

4.17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả ($\geq 35\%$).

4.17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn ($\geq 50\%$).

4.17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (100%).

¹³ Quyết định 269/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2022 của UBND huyện Tiểu Cần.

¹⁴ Mô hình "tổ hòa giải điểm ấp Ngãi Thuận" xã Ngãi Hùng, Mô hình Câu lạc bộ CCB cùng nhân dân tìm hiểu pháp luật ấp Ngãi Thuận.

4.17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường ($\geq 80\%$).

4.17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường ($\geq 85\%$).

4.17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch (Đạt).

4.17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng ($\geq 10\%$).

4.17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn (Chưa có chỉ tiêu).

4.17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ($\geq 70\%$).

b) Kết quả thực hiện:

4.17.1. Trên địa bàn xã có 01 lò giết mổ gia súc, 02 khu kinh doanh mua bán tập trung (chợ xã) và 01 Trạm Y tế xã có hạ tầng đảm bảo vệ sinh môi trường.

4.17.2. Xã có 72 cơ sở sản xuất, kinh doanh đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, đạt 100%. Hàng năm, UBND xã xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn xã, đồng thời thường xuyên phối hợp với cơ quan chuyên môn của huyện thực hiện công tác kiểm tra đối với các cơ sở, hộ gia đình sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Qua đó kịp thời xử lý những vấn đề mới phát sinh, tránh gây ô nhiễm.

4.17.3. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, chợ, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

Đối với rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng: 2,36 tấn/ngày (*tương đương 6753 người*0,35 kg/ngày*).

Trên địa bàn toàn xã hiện có 60 thùng chứa rác bố trí dọc tuyến Tỉnh lộ 912; Tuyến Hương lộ 38, Chợ xã Ngãi Hùng và các điểm trường¹⁵. Rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã phát sinh được Phòng Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng thu gom bằng xe ô tô chuyên dụng với Công ty TNHH dịch vụ thương mại Minh Thông, tần suất thu gom 01 lần/ngày được vận chuyển về bãi rác ở xã Tập Ngãi, lượng rác thu gom trung bình mỗi ngày được 2,36 tấn (*tương đương 6.753 người*0,35 kg/ngày*). Song song đó, xã có một mô hình xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình với 43 hộ thực hiện, lượng rác thải sinh hoạt được xử lý hàng ngày của các hộ này được 0.02 tấn.

¹⁵ Tuyến Tỉnh lộ 912 bố trí 20 thùng chứa rác; Chợ xã hiện bố trí 13 thùng chứa; Tuyến Hương lộ 38 hiện bố trí 15 thùng chứa rác; Trường Tiểu học Ngãi Hùng bố trí 4 thùng; Trường Mẫu giáo bố trí: 3 thùng; Trường Trung học cơ sở Ngãi Hùng hiện bố trí 05 thùng.

Ngoài ra, Hội LHPN xã còn thành lập được 01 mô hình khu dân cư tự quản môi trường có 40 thành viên; 07/07 ấp có câu lạc bộ môi trường của Hội cựu chiến binh với 175 thành viên. Các hộ gia đình tại các ấp chưa có hệ thống thu gom thì thực hiện xử lý chất thải theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân xã không được đổ chất thải ra đường, ao hồ, kênh rạch,...

4.17.4. Đối với nước thải sinh hoạt hộ gia đình: Xã có 1.883 hộ, lượng nước thải sinh hoạt khoảng 466 m³/ngày đêm, có 1.738/1.883 hộ thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả bằng bể tự hoại đạt 92,30%.

Ngoài ra, trên địa bàn xã có 08 tổ chức đều có biện pháp xử lý nước thải phù hợp (Chợ, trạm Y tế, khu hành chính xã, trường Mẫu giáo, trường Tiểu học, trường Trung học cơ sở, Công an, Quân sự) với khối lượng nước thải phát sinh khoảng 50 m³/ngày đêm và đều được thu gom xử lý phù hợp.

4.17.5. Phân loại rác tại nguồn chủ yếu chia thành 3 loại: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm; Chất thải rắn sinh hoạt khác.

+ Việc tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phát sinh từ hộ gia đình:

+ Được sự hỗ trợ của Phòng Tài nguyên - Môi trường, xã đã thực hiện được mô hình thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt, hỗ trợ 45 thùng đựng rác.

+ Ngoài ra Hội LHPN xã còn thành lập được 03 mô hình hạt gạo từ chai nhựa, lon nhôm. Song song đó, các hội viên, đoàn viên đều thực hiện tốt việc thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt theo hướng dẫn của cán bộ hội.

- Rác thải sinh hoạt phát sinh của hộ gia đình sau khi thực hiện phân loại thì được quản lý như sau:

+ Đối với chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Được hộ bán phế liệu, tái sử dụng đựng đồ đạc,...

+ Đối với chất thải thực phẩm: Được hộ ủ phân bón cây trồng, dùng làm thức ăn chăn nuôi, chôn lấp làm tăng độ phì nhiêu cho đất, một số được đơn vị thu gom vận chuyển về bãi rác xã Tập Ngãi.

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn 1.413/1.883 đạt 75,04%.

4.17.6. Rác thải y tế được xử lý 100%. Chất thải nguy hại từ nông nghiệp (bao bì thuốc bảo vệ thực vật), miễn chay, ly... luôn được xử lý.

+ Đối với chất thải nông nghiệp: Trên địa bàn xã được bố trí 34 bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật, hàng quý được thu gom khoảng 150 kg rác thải nguy hại từ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, các chất thải này được thu gom vận chuyển và xử lý theo quy chuẩn bảo vệ môi trường.

+ Đối với chất thải Y tế: Rác thải Trạm y tế xã được thu gom xử lý theo hợp đồng xử lý rác thải Y tế số theo Hợp đồng số 1048/HĐ-BVĐKKV ngày 29 tháng 10 năm 2022 của bệnh viện Đa khoa khu vực huyện Tiểu Cần.

Xã có xây dựng Quy ước về bảo vệ môi trường của xã và được UBND huyện phê duyệt.

4.17.7. Xã có 934 hộ trồng trọt, gồm lúa, trồng rau màu với tổng diện tích 890,85 ha. Trong năm, khối lượng phụ phẩm của các loại cây trồng phát sinh phụ phẩm được thu gom, xử lý, tái sử dụng đạt 100%.

Xã có 983 hộ chăn nuôi gia súc gia cầm, với số lượng 72.263 con, lượng chất thải phát sinh trong năm khoảng hơn 18.840 tấn, tổng lượng chất thải được thu gom, xử lý là 16.956 tấn, đạt 90%.

4.17.8. Có 885/983 hộ có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, đạt 90,03%.

Được vệ sinh định kỳ bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh. Không phát sinh mùi hôi thối khó chịu gây ảnh hưởng đến người dân xung quanh, chất thải chăn nuôi được thu gom và xử lý cơ bản đúng theo quy định.

4.17.9. Xã không có quy hoạch nghĩa trang.

4.17.10. Trong năm 2023 tổng số người tử vong trên địa bàn xã là 40 người. Trong đó có 04 người sử dụng hình thức hỏa táng, chiếm tỷ lệ 10%. Còn lại an táng theo phong tục truyền thống của người dân phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

4.17.11. Hàng năm Ủy ban nhân dân xã phối hợp với các ban ngành đoàn thể xã ra quân thực hiện trồng cây xanh, xây dựng các tuyến đường hoa trên địa bàn, kết quả trồng hơn 8.500 cây xanh ven đường, 2.500 cây xanh ở các điểm công cộng¹⁶ góp phần cải tạo môi trường và là trung tâm vui chơi, thể dục thể thao cho người dân. Hiện nay đất cây xanh sử dụng công cộng là $33.800\text{m}^2/6.753 \text{ người} = 5 \text{ m}^2/\text{người}$.

4.17.12. Chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn xã chủ yếu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động sinh hoạt hàng ngày của hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ,...

Thời gian qua, xã đã quan tâm thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động và hướng dẫn người dân thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa. Không thải ra ao hồ, sông rạch, nơi công cộng,... làm mất vẻ mỹ quan và ô nhiễm môi trường, xã có 6.753 người, lượng rác thải nhựa phát sinh khoảng 368 tấn/năm (tương đương 1.007 kg/ngày), lượng rác thải nhựa được thu gom, xử lý khoảng 264,5 tấn (tương đương 724,6 kg/ngày), đạt 71,9 %.

c) Tổng kinh phí thực hiện: 1,80 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn địa phương: 0,36 tỷ đồng.*

+ *Vốn tỉnh: 0,24 tỷ đồng.*

+ *Vốn huyện: 0,12 tỷ đồng.*

- *Vốn tín dụng: 0,8 tỷ đồng.*

- *Vốn dân: 0,64 tỷ đồng.*

Tự đánh giá: Đạt

4.18 Tiêu chí số 18: Chất lượng môi trường sống:

¹⁶ Sân bóng đá xã, sân các nhà văn hóa trên địa bàn 7/7 ấp, sân 03 điểm trường, cơ quan xã, Y tế, Quân sự, chùa, các tuyến đường trên địa bàn xã.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung ($\geq 55\%$).

4.18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm (≥ 60 lít).

4.18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ($\geq 40\%$).

4.18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm (100%).

4.18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã (Không).

4.18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm (100%).

4.18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch ($\geq 80\%$).

4.18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường (100%).

b) Kết quả thực hiện:

4.18.1. Toàn xã có 1.883/1.883 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt 100%, hộ đăng ký và sử dụng nước sạch 1.048/1.883 hộ, đạt 55,66%.

4.18.2. Xã có 01 nhà máy cấp nước sinh hoạt tập trung công suất 50 m³/giờ đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% hộ dân trên địa bàn toàn xã, bình quân đầu người/ngày đêm 69 lít).

4.18.3. Có 01 nhà máy cấp nước sinh hoạt tại ấp Chánh Hội A luôn được Ủy ban nhân dân xã quan tâm hỗ trợ hoạt động, Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Trà Vinh luôn chỉ đạo nâng cấp các tuyến ống đảm bảo phủ đều 07/07 ấp. Phân công 03 cán bộ trực xuyên suốt khắc phục ngay những sự cố xảy ra đảm bảo trạm cấp phát nước hoạt động bền vững.

4.18.4. Trên địa bàn xã có 562 cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm (lĩnh vực Công thương 57 cơ sở, 36 cơ sở lĩnh vực Y tế, 469 hộ lĩnh vực Nông nghiệp) tất cả các cơ sở luôn đảm bảo đúng quy định về ATTP đảm bảo tham gia tập huấn đầy đủ.

4.18.5. Trong những năm qua công tác ATTP luôn được quan tâm triển khai thực hiện, trên địa bàn xã không có trường hợp nào xảy ra ngộ độc thực phẩm được trên công nhận xã an toàn thực phẩm.

4.18.6. Có 562/562 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ thực hiện ký cam kết quy định về an toàn thực phẩm, đạt 100%.

4.18.7. Xã luôn tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân đăng ký xây dựng nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh bằng nhiều hình thức thông qua các nguồn vốn tín dụng, vốn tài trợ, vốn tự có của dân,... Kết quả vận động xây mới 160 nhà tiêu hợp vệ sinh. Nâng tổ số đến nay toàn xã có 1.840/1.833 hộ gia đình xây dựng nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt 97,72% đúng theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”.

4.18.8. Xã không có quy hoạch bãi chứa rác thải. Xã hợp đồng thu gom rác thải tại các điểm chợ, khu dân cư tập trung điểm trung tâm xã, các hộ dọc tuyến tỉnh lộ 912, 911, Hương lộ 38, bên cạnh đó Ban chỉ đạo xã tập trung tuyên truyền vận động các hộ dân trên địa bàn xã thu gom phân loại rác thải tại nguồn và xử lý đúng quy định đảm bảo vệ sinh về môi trường.

c) Tổng kinh phí thực hiện: 5,22 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn địa phương: 0,02 tỷ đồng.

+ Vốn huyện: 0,02 tỷ đồng.

- Vốn tín dụng: 3 tỷ đồng.

- Vốn doanh nghiệp: 1,5 tỷ đồng.

- Vốn dân: 0,7 tỷ đồng.

Tự đánh giá: Đạt

4.19. Tiêu chí số 19: Quốc phòng và an ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân (Đạt).

4.19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả (Đạt).

b) Kết quả thực hiện:

4.19.1. Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã kịp thời ban hành Nghị quyết, kế hoạch thực hiện công tác Quốc phòng quân sự địa phương. Xây dựng đầy đủ các kế hoạch đúng theo quy định.

Chỉ huy trưởng và Chỉ huy phó đều được qua đào tạo trình độ trung cấp, đại học ngành quân sự. Hàng năm đều tham gia đầy đủ các lớp tập huấn bồi dưỡng về chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ do trên triệu tập.

Ban chỉ huy Quân sự xã có nơi làm việc đúng theo quy định và được bố trí các trang thiết bị hoạt động.

Chủ động phối hợp với lực lượng công an theo Nghị định số 03/NĐ-CP, Nghị định số 03/NĐ-CP của Chính phủ kịp thời giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội. Công tác xây dựng lực lượng đúng theo đề án của UBND tỉnh. Quản lý, sử dụng lực lượng đúng theo quy định. Đảng viên trong lực lượng dân quân 24/111 đồng chí, chiếm tỷ lệ 21,62%. Phát triển đảng hàng năm trong lực lượng dân quân đều đạt chỉ tiêu. Áp đội trưởng 07/07 áp đều là đảng viên, chiếm tỷ lệ 100%.

Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” trên địa bàn 07 áp có 111 đồng chí. Hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng: Đưa 9 thanh niên đạt 100% chỉ tiêu.

Xã được trên kiểm tra công nhận xã đạt tiêu chuẩn vững mạnh về Quốc phòng, an ninh năm 2023.

4.19.2. Hàng năm Đảng ủy có đề ra Nghị quyết, UBND xã có xây dựng Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự.

Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng; có mô hình camera an ninh và tổ chức xây dựng có hiệu quả các mô hình bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn cụ thể: Xây dựng 07 mô hình, 8 câu lạc bộ phòng chống tội phạm và 72 Tổ trưởng tổ tự quản hoạt động tốt. Năm 2023 xã được UBND huyện công nhận xã đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”

Xã có 07/07 áp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT, đạt 100%.

*** Tổng kinh phí thực hiện: 0,16 tỷ đồng, trong đó:**

- Vốn huyện: 0,06 tỷ đồng.
- Vốn doanh nghiệp: 0,02 tỷ đồng.
- Vốn dân: 0,08 tỷ đồng.

Tự đánh giá: Đạt

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Tính đến thời điểm hiện tại, đơn vị xã Ngãi Hùng không có nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao.

6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

- Xã giữ vững đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, tiến tới xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Phân đầu có 4/7 áp của xã được công nhận là áp nông thôn mới kiểu .

- Phần đầu thực hiện duy trì và đạt trên 96,2% hộ gia đình văn hóa, nông thôn mới.

- Nâng cao bộ mặt nông thôn của xã về kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển theo hướng tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên và hệ thống chính trị của xã ngày càng vững mạnh.

- Thu nhập bình quân hàng năm đạt theo quy định.

- Xã không còn hộ nghèo (trừ hộ nghèo thuộc diện bảo trợ).

- Duy trì từ 95% trở lên hộ trên địa bàn xã có tham gia bảo hiểm y tế.

- Có 100% hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Xã Ngãi Hùng có đầy đủ các văn bản theo quy định.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Ngãi Hùng đã được UBND huyện Tiểu Cần thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Tính đến thời điểm được UBND huyện thẩm tra, đơn vị xã Ngãi Hùng không có nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan đến công tác xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

III. KIẾN NGHỊ

Chủ tịch UBND tỉnh thẩm tra công nhận xã Ngãi Hùng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TT.BCĐ tỉnh;
- VPĐP tỉnh;
- TT.HU;
- TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- BCĐ huyện;
- VPĐP huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT, KTNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Dự thảo)

Tiểu Cần, ngày tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao
đối với xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh**

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định quyết số 1417/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 22/KH-BCĐ ngày 17/4/2023 của Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 36-KH/HU ngày 06/8/2021 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 04/4/2023 của Huyện ủy về xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao và xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu;

Căn cứ Quyết định số 2396/QĐ-UBND, ngày 17/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tiểu Cần giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 72/KH-UBND, ngày 04/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện Phong trào thi đua “Tiểu Cần cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 25/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về triển khai thực hiện xây dựng huyện Tiểu Cần đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 27/2/2023 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện Tiểu Cần giai đoạn 2021 - 2025 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện Tiểu Cần năm 2023;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Tập Ngãi tại Tờ trình số 329/TTr-UBND ngày 17/11/2023 về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã Tập Ngãi đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Tập Ngãi, UBND huyện Tiểu Cần báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã Tập Ngãi, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (ngày 29/11/2023)

1. Về hồ sơ

Hồ sơ đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023 của xã Tập Ngãi gồm:

- Tờ trình số 329/TTr-UBND ngày 17/11/2023 về việc đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã Tập Ngãi đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023.
- Biên bản họp ngày 26/10/2023 của UBND xã Tập Ngãi đề nghị xét, công nhận xã Tập Ngãi đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.
- Báo cáo số 142/BC-UBND ngày 25/10/2023 của UBND xã Tập Ngãi về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2023 trên địa bàn xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.
- Báo cáo số 132/BC-UBND ngày 23/10/2023 của UBND xã Tập Ngãi về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao năm 2023 trên địa bàn xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.
- Báo cáo số 131/BC-UBND ngày 20/10/2023 của UBND xã Tập Ngãi về tình hình xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã từ năm 2015 đến năm 2023.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Căn cứ các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện và trên cơ sở quan điểm lãnh, chỉ đạo của tỉnh, huyện, xã Tập Ngãi đã ban hành một số văn bản triển khai thực hiện như: Nghị quyết số 10-NQ/ĐU ngày 10/02/2023 của Đảng ủy xã về việc xây dựng xã nông thôn mới nâng cao năm 2023. Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 05/3/2023 về việc xây dựng, nâng chất các tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao nhằm đạt theo bộ tiêu chí đề ra; Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương

trình mục tiêu quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa xã Tập Ngãi giai đoạn 2021- 2025 với 41 thành viên do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban; Quyết định số 114/QĐ-BCĐ ngày 30/3/2023 về việc Kiện toàn Ban quản lý các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa xã Tập Ngãi giai đoạn 2021-2025; Ban chỉ đạo xã có xây dựng kế hoạch, quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên phụ trách từng tiêu chí, báo cáo trực tiếp kết quả được phân công phụ trách qua cuộc họp báo chiều thứ 2 hàng tuần theo quy chế; thường xuyên sơ, tổng kết và đề ra giải pháp thực hiện thời gian tới.

3. Xã Tập Ngãi đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2014 theo Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh.

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

4.1. Tiêu chí số 1 về quy hoạch:

a) Yêu cầu của tiêu chí

4.1.1 Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

4.1.2 Có chế độ quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

4.1.3 Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc chi tiết xây dựng khu dân cư mới phù hợp với kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

b) Kết quả thực hiện:

Xã có thực hiện điều chỉnh bổ sung quy hoạch theo quy định. Được UBND huyện phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và đồ án điều chỉnh quy hoạch. Các bản vẽ quy hoạch được niêm yết công khai tại UBND xã để người dân biết và thực hiện. Có quy chế quản lý quy hoạch được UBND huyện phê duyệt. Nhìn chung xã đã cơ bản thực hiện đúng theo quy hoạch. Cụ thể:

4.1.1. Có lưu trữ đầy đủ hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã Nông thôn mới được phê duyệt theo quy định⁽¹⁾; Bản đồ quy hoạch được công bố niêm yết công khai tại UBND xã để người dân biết và thực hiện (Đạt).

4.1.2. Có quy chế quản lý quy hoạch được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt⁽²⁾ và tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt. (Đạt).

⁽¹⁾ Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND huyện Tiểu Cần Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

⁽²⁾ Quyết định của UBND huyện Tiểu Cần phê duyệt quy chế quản lý quy hoạch của xã.

4.1.3. Có đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm xã được UBND huyện phê duyệt (Đạt).

c) Tổng kinh phí thực hiện: 0,7 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn huyện: 0,7 tỷ đồng.

***Tự đánh giá: Đạt**

4.2. Tiêu chí số 2: Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

4.2.1 Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, giảm tốc độ, cây xanh ..) theo quy định (100%).

4.2.2 Tỷ lệ đường áp và đường liên áp;

- Được cứng hóa và bảo trì hàng năm (100%).

- Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, giảm tốc độ, cây xanh ..) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp ($\geq 80\%$).

4.2.3 Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng xanh sạch đẹp ($\geq 90\%$).

4.2.4 Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa ($\geq 70\%$).

b) Kết quả thực hiện

Trên địa bàn xã tiếp tục được đầu tư thực hiện các công trình như: Xây dựng mới, sửa chữa nâng cấp 22 tuyến đường trục xã, trục ấp, đường ngõ xóm, xây dựng vỉa hè chiều dài 19,1 km với tổng kinh phí 79,26 tỷ đồng. Nâng cấp, xây dựng hoàn thiện 27 cây cầu giao thông nông thôn với tổng kinh phí 4,379 tỷ đồng. Có 03 tuyến đường áp, liên áp được gắn đèn chiếu sáng.

4.2.1. Xã có 01 tuyến đường xã dài 7 km ⁽³⁾ luôn được trên bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, các tuyến đường có các hạng mục cần thiết như: biển báo, chỉ dẫn, chiếu sáng giảm tốc độ, cây xanh ... đạt 100% (Đạt).

4.2.2. Xã có 03 tuyến đường áp dài 15,6 km ⁽⁴⁾ được cứng hóa và thường xuyên được bảo trì, thực hiện chống thấm đúng theo qui định đạt 100%.

+ Công an xã phối hợp ngành chuyên môn huyện và BND áp rà soát các tuyến đường chưa có biển báo, biển chỉ dẫn, giảm tốc độ và đã thực hiện lắp đặt theo quy định đạt 100%. Đường trục áp và liên áp tiếp tục được đầu tư xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng với chiều dài 4,52 km nâng tổng số đến nay là 13,33/15,6 km đạt tỷ lệ 85,45 %. Ngoài ra, các tuyến còn được trồng hơn

⁽³⁾ Đường tỉnh lộ 912

⁽⁴⁾ Đường huyện 9, Hương lộ 6, tuyến lộ nhựa nông thôn mới (Tỉnh lộ 912 :Cổng 9 Bình – Hương lộ 13)

15.000 cây xanh, hoa kiểng các loại, đảm bảo sáng xanh, sạch đẹp và thường xuyên cắt tỉa gọn gàng (Đạt).

4.2.3. Xã có 28 tuyến đường ngõ, xóm đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp, dài 31,30 km đạt 100% và không lầy lội vào mùa mưa và có 100% ⁽⁵⁾ tuyến đường được cứng hóa và thường xuyên được duy tu bảo dưỡng định kỳ. Xây dựng mới 3 tuyến đường giao thông nông thôn tại ấp Giồng Tranh với kinh phí 4,4 tỷ đồng từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ngân sách huyện hỗ trợ thực hiện (Đạt).

4.2.4. Xã có 03 tuyến đường trục chính nội đồng, chiều dài 19 km⁽⁶⁾ đảm bảo vận chuyển hàng hóa của người dân quanh năm. Đến nay, có 13,5/19 km đường đã được cứng hóa đạt 71,05% (Đạt).

*** Tổng kinh phí thực hiện: 83,64 tỷ đồng, trong đó:**

- Vốn Trung ương: 55,39 tỷ đồng.

+ Vốn NTM: 13,5 tỷ đồng

+ Vốn khác: 41,89 tỷ đồng

- Vốn địa phương: 28,25 tỷ đồng.

+ Vốn tỉnh: 5 tỷ đồng.

+ Vốn huyện: 4,47 tỷ đồng.

- Vốn dân: 18,78 tỷ đồng.

***Tự đánh giá: Đạt**

4.3. Tiêu số 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai.

a) Yêu cầu của tiêu chí

4.3.1 Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động ($\geq 90\%$).

4.3.2 Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững (Đạt).

⁽⁵⁾ Đanal kênh 3/2- Lê Văn Quới, Đanal cầu 2 Văn- Ngãi Hùng, Đanal Ngô Văn Kiệt- Ngãi Hùng, Đanal Cầu dây- cây Gáo, Đanal nhà 3 Cống- tỉnh lộ 912, Đanal nhà 3 Đò- tỉnh lộ 912, Đanal chùa- tỉnh lộ 912, Đanal công ấp văn hóa Ngãi Hòa- cặp sông, Đanal nhà 2 Viễn - Ông Xây, Đanal nhà 8 Ân- nhà Út Vĩng, Đanal nhà 2 Đào- nhà 3 Bá, Nhựa công ấp văn hóa - Ông Xây, Đanal Ô 4- Cây Hẹ- Ông Xây, Đanal nhà 2 Phone- Đại Sư- nhà 7 Huỳnh, Đanal trụ sở Ông Xây, Đanal cầu Trung ương đoàn- Ranh Ô Trao, Đanal nhà 9 Luận- nhà 8 Dê, Nhựa đồng ruộng Xóm Chòi- tỉnh lộ 912, Nhựa nhà 5 Nổi, Đanal nhà 2 Mầu, Đanal nhà 2 Ri- nhà 5 Hùng, Đanal nhà 2 Mật- 2 Tạo, Đanal nhà Út Rộng, Đanal nhà Trụ sở Giồng Tranh, Nhựa chùa Giồng Tranh, Đanal cặp chùa Long An, Đanal Ngãi Hòa – tỉnh lộ 912, Nhựa Ngãi Hòa- Cầu Dây Văn.

⁽⁶⁾ Tuyến đường Giồng Tranh- Cây Ôi, Tuyến Cây Ôi- Xóm Chòi- Ông Xây- Đại Sư, Đại Sư- Cây Dương.

4.3.3 Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước ($\geq 50\%$ diện tích cây trồng chủ lực của xã được tưới tiên tiến tiết kiệm nước).

4.3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm (Đạt).

4.3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi (Đạt).

4.3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (Đạt khá trở lên).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Xã được trên đầu tư nạo vét lại 65 tuyến kênh, với chiều dài 53.914 m, tổng kinh phí 11,36 tỷ đồng. Từ đó, đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất của người dân, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp.

Bên cạnh đó, trong công tác phòng chống thiên tai, xã kết hợp với Ban nhân dân các ấp tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai cho cán bộ ấp và Nhân dân trong xã, nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác ứng phó khi có thiên tai xảy ra. Cụ thể:

4.3.1. Xã có diện tích đất tự nhiên là 3.229,23 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp 2.908,92 ha. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động là 2.908,92 ha, đạt 100% diện tích (Đạt).

4.3.2. Xã có thành lập 01 Ban quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi⁽⁷⁾ có 12 thành viên, luôn được củng cố kiện toàn kịp thời; thành lập 01 tổ hợp tác dùng nước (dùng nước chung trong canh tác lúa) có 16 thành viên. Từ đó, đảm bảo các hệ thống kênh luôn được kiểm tra, phát hiện, đề xuất biện pháp xử lý các trường hợp vi phạm; đảm bảo lòng kênh thông thoáng không gây cản trở dòng chảy (Đạt).

4.3.3. Cây trồng chủ lực của xã có 02 loại: Cây lúa, cây dừa với diện tích 2.634 ha (cây lúa 1825 ha, cây dừa 809 ha). Trong đó, có 2.497 ha được tưới tiên tiến và tiết kiệm đạt 94,8% (Đạt).

4.3.4. Xã có 138 tuyến kênh, dài 127,128 km (20 tuyến cấp II, dài 45,537 km, 118 tuyến cấp III, dài 81,593 km), 13 cống được lắp đặt ở các tuyến kênh đầu mối. Với hệ thống thủy lợi nêu trên đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu tưới tiêu cho 2.908,92 ha diện tích đất nông nghiệp... Các tuyến kênh luôn được nạo vét kịp thời đảm bảo nguồn nước phục vụ tưới tiêu cho sản xuất của người dân đạt 100% (Đạt).

4.3.5. Trên địa bàn xã có 380 hộ sản xuất, kinh doanh luôn đảm bảo các quy định về môi trường, thường xuyên được thực hiện kiểm kê, kiểm soát các

⁽⁷⁾ Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND xã Tập Ngãi.

nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi của các hộ trồng trọt, chăn nuôi, luôn đảm bảo không gây ảnh hưởng đến ô nhiễm nguồn nước, ngăn cản dòng chảy, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất và sinh hoạt của người dân (Đạt).

4.3.6. UBND xã kịp thời củng cố, kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; thành lập, kiện toàn đội xung kích cấp xã, xây dựng kế hoạch, phương án ⁽⁸⁾ chủ động ứng phó với thiên tai. Đồng thời tổ chức được 01 cuộc tập huấn kiến thức PCTT cho lực lượng xung kích xã có 35 lượt người dự và tổ chức đánh giá kết quả đánh giá theo bảng chấm điểm được 70 điểm (Đạt).

c) Tổng kinh phí thực hiện: 11,36 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Trung ương: 3,8 tỷ đồng.
- Vốn địa phương: 6,06 tỷ đồng.
- + Vốn tỉnh: 3,06 tỷ đồng.
- + Vốn huyện: 1,5 tỷ đồng.
- + Vốn dân: 3 tỷ đồng.

***Tự đánh giá: Đạt**

4.4. Tiêu chí số 4: Điện:

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định ($\geq 99\%$).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Tổng số đến nay trên địa bàn xã có 34,6 km đường dây trung thế, 103,96 km đường dây hạ thế và 66 trạm biến áp đáp ứng phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn xã và có 3.599 hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đảm bảo về kỹ thuật điện đạt 100 %.

*** Tổng kinh phí thực hiện: 4,35 tỷ đồng, trong đó:**

- Vốn doanh nghiệp: 3,75 tỷ đồng.
- Vốn dân: 0,6 tỷ đồng.

⁽⁸⁾ UBND xã ban hành Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 về việc kiện toàn BCH Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã Tập Ngãi; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 16/02/2023 về Phòng, chống thiên tai năm 2023 trên địa bàn xã Tập Ngãi và Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND xã Tập Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã Tập Ngãi giai đoạn 2021-2025; xây dựng Phương án số 01/PA-BCĐ ngày 20/02/2023 về việc ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro năm 2023 trên địa bàn xã Tập Ngãi.

***Tự đánh giá: Đạt**

4.5. Tiêu chí số 5: Giáo dục:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đạt (100%).

4.5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (Đạt).

4.5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (Mức độ 3).

4.5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ (Mức độ 2).

4.5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại (Khá).

4.5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền (Đạt).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

4.5.1. Công tác đẩy mạnh phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học được tập trung thực hiện, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của các trường được quan tâm đầu tư xây dựng. Đến nay, có 4/4 điểm trường (*Trường THCS Tập Ngãi; Trường TH Tập Ngãi B; Trường TH Tập Ngãi C; Trường Mẫu Giáo Tập Ngãi*) đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, đạt 100%. Trong đó, trường THCS Tập Ngãi, Trường Tiểu học Tập Ngãi B đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2; Trường Mẫu giáo Tập Ngãi, Trường Tiểu học Tập Ngãi C đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1. Đồng thời, Trường THCS Tập Ngãi, Trường Tiểu học Tập Ngãi B được công nhận đạt chuẩn quốc gia ⁽⁹⁾ mức độ 1. (Đạt).

4.5.2. Xã luôn duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được trên công nhận⁽¹⁰⁾ đạt về chất lượng (Đạt).

4.5.3. Xã đạt chuẩn, duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học và THCS⁽¹¹⁾ Mức độ 3 (Đạt).

4.5.4. Xã đạt chuẩn xóa mù chữ⁽¹²⁾ Mức độ 2 (Đạt).

⁽⁹⁾ Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

⁽¹⁰⁾ Theo quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần.

⁽¹¹⁾ Theo Quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần.

⁽¹²⁾ Theo quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần.

4.5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại tốt ⁽¹³⁾ (Đạt).

4.5.6. Các điểm trường, có xây dựng mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền như: 02 mô hình môn cầu lông, 01 mô hình môn cờ vua(Đạt).

c) Tổng kinh phí thực hiện: 23,11 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn địa phương:*

+ *Vốn tỉnh: 19,94 tỷ đồng.*

+ *Vốn huyện: 3,17 tỷ đồng.*

***Tự đánh giá: Đạt**

4.6. Tiêu chí số 6: Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên (Đạt).

4.6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định (Đạt).

4.6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới (Đạt).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xây dựng mới Nhà văn hóa ấp Lê Văn Quới và nâng cấp hoàn thiện nhà văn hóa xã, nhà văn hóa các ấp đạt tiêu chuẩn quy định; thực hiện hoàn thành công trình UBND xã hạng mục vỉa hè, sửa chữa khu hành chính xã tạo khuôn viên xanh- sạch- đẹp. Được cấp trên đầu tư lắp đặt các bộ dụng cụ thể dục thể thao đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu vui chơi, giải trí cho người già và trẻ em. Cụ thể:

4.6.1. Xã có Nhà văn hóa, gồm 04 phòng chức năng (*có tủ sách có trên 300 đầu sách, phòng đọc sách, báo và thư viện*); Hội trường có trên 200 chỗ ngồi; Sân bóng đá xã có diện tích trên 14.000 m² và 01 sân bóng mini với 1.500 m². Trước khu hành chính xã, khuôn viên Nhà thờ, khuôn viên sân trường học, nhà văn hóa xã có lắp đặt các bộ dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời làm điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người già; Thành lập mới và duy trì các câu lạc bộ Đờn ca tài tử, câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền... Hàng năm Ủy ban nhân dân xã thường xuyên tổ chức giao lưu bóng đá, bóng chuyền, luyện tập thể dục thể thao tại các điểm sân bóng đá và giao lưu đờn ca tài tử được 57 cuộc, thu hút hơn 2.650 lượt người tham gia (Đạt).

⁽¹³⁾Theo Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần.

4.6.2. Ủy ban nhân dân xã phối hợp Phòng Văn hóa và Thông tin, thường xuyên kiểm kê các di sản văn hóa được ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định. Năm 2023 chùa Ô CHHUC Ngãi Hòa được kiểm tra, đánh giá xếp hạng di tích cấp tỉnh⁽¹⁴⁾ (Đạt).

4.6.3. 9/9 ấp được BCĐ xã, huyện kiểm tra đánh giá cuối năm được công nhận đạt chuẩn ấp Văn hóa, ấp Nông thôn mới⁽¹⁵⁾ (Đạt).

c) Tổng kinh phí thực hiện: 1,96 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Trung ương: 1,29 tỷ đồng.

- Vốn địa phương:

+ Vốn tỉnh: 0,35 tỷ đồng.

+ Vốn huyện: 0,32 tỷ đồng.

***Tự đánh giá: Đạt**

4.7. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm (Đạt).

b) Kết quả thực hiện

Chợ xã có diện tích 2.778,2 m² có bản tên chợ xã, nhà lồng chợ được xây dựng cơ bản với diện tích 604,5m², có phân ra từng khu vực buôn bán hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ đều thực hiện đúng quy định, có nhà vệ sinh công cộng, có nơi đậu xe đảm bảo trật tự an toàn, các hộ buôn bán và nhân dân trong khu vực chợ đều sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh.

- Xã có thành lập Ban quản lý chợ có 6 thành viên, ⁽¹⁶⁾ có xây dựng nội quy hoạt động, bố trí thùng rác và ký kết hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải với tần suất 01 ngày 01 lần đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Có xây dựng phương án PCCC, bố trí phương tiện, dụng cụ phục vụ chữa cháy đúng theo yêu cầu, để tránh tình trạng thiệt hại tài sản cho nhân dân (Đạt).

c) Tổng kinh phí thực hiện: 1,35 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn địa phương:

+ Vốn huyện: 1,1 tỷ đồng.

+ Vốn dân: 0,25 tỷ đồng.

***Tự đánh giá: Đạt**

⁽¹⁴⁾ Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND tỉnh Trà Vinh

⁽¹⁵⁾ Quyết định số: 3535/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 và Quyết định số 6603/QĐ- UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần.

⁽¹⁶⁾ Quyết định số 3835/QĐ-UBND ngày 24 /11/2022 của UBND huyện Tiểu Cần

4.8. Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

4.8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. (Đạt).

4.8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh. (80%)

4.8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông. (Đạt).

4.8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới. (Đạt).

4.8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...) (Đạt).

b) Kết quả thực hiện

4.8.1. Điểm Bưu điện văn hóa xã, hoạt động tốt đảm bảo cung cấp 02 dịch vụ bưu chính và viễn thông đạt tiêu chuẩn theo quy định. Nhân viên có trình độ, chuyên môn phù hợp, đáp ứng nhu cầu phục vụ cho người dân, có gian hàng bán tạp hóa, giao thư, bưu phẩm đạt theo yêu cầu. Ngoài ra Bưu điện văn hóa xã còn thực hiện dịch vụ chi trả trợ cấp hưu trí, bảo trợ xã hội, đối tượng chính sách đảm bảo đúng thời gian, đủ số lượng theo qui định (Đạt).

4.8.2. Sự phát triển của khoa học công nghệ ngày càng cao, đòi hỏi nhu cầu tất yếu của người dân phải cập nhật được công nghệ áp dụng vào đời sống ngày càng tăng. Hiện nay toàn xã có 7.832/8.702 người trong độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh đạt 90% (Đạt).

4.8.3. Các ấp được cung cấp dịch vụ điện thoại, đăng nhập Internet đáp ứng nhu cầu truy cập thông tin, đọc báo, liên lạc cho Nhân dân; xã có 01 điểm bưu điện, 03 điểm truy cập Internet... (Đạt).

4.8.4. Xã luôn ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội (sử dụng hệ thống điện tử, các phần mềm trong quản lý ISO, đoàn viên, hội viên, ...). Đồng thời sử dụng phần mềm thông tin điện tử vào công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống, kinh tế - xã hội, như lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới, đã đưa 02 cán bộ tập huấn cập nhật cơ sở dữ liệu (Đạt).

4.8.5. Để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, dễ dàng truy cập khoa học công nghệ, tại Ủy ban nhân dân xã, các điểm công cộng có lắp đặt mạng wifi miễn phí (Đạt).

c) Tổng kinh phí thực hiện: 0,4 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn địa phương:

+ Vốn xã: 0,096 tỷ đồng.

- *Vốn doanh nghiệp: 0,04 tỷ đồng.*
- *Vốn dân: 0,36 tỷ đồng.*

*** Tự đánh giá: Đạt**

4.9. Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí: Tỷ lệ nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố (90%).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, chính sách đối với người có công, chính sách an sinh xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo, chăm lo tốt cho gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo... Thời gian qua địa phương đã quan tâm tập trung mọi nguồn lực thực hiện, vận động, hỗ trợ xây dựng được 152 căn nhà, trong đó xây dựng 94 căn nhà tình nghĩa, 53 căn nhà tình thương, 02 căn nhà đại đoàn kết, 01 căn nhà nhân ái, 02 căn nhà đồng đội; còn lại nhân dân tự xây dựng. Hiện nay trên địa bàn toàn xã có 3.483/3.599 hộ có nhà ở kiên cố, bán kiên cố đạt 96,77%.

c) Tổng kinh phí thực hiện: 60,89 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn Trung ương: 7,55 tỷ đồng.*
- *Vốn địa phương:*
- + *Vốn tỉnh: 8,74 tỷ đồng.*
- *Vốn vận động: 1,5 tỷ đồng*
- *Vốn dân: 50,65 tỷ đồng.*

Tự đánh giá: Đạt

4.10. Tiêu chí số 10: Thu nhập

Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người), cụ thể:

- Năm 2023: ≥ 68 triệu đồng/người/năm;

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các ngành đoàn thể tập trung chỉ đạo, vận động người dân chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đào tạo nghề, mở các lớp tập huấn chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật về kỹ thuật canh tác lúa, trồng rau màu, chăn nuôi heo, chăn nuôi bò được 30 cuộc có 1.103 lượt người dự... phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác, xây dựng nhiều mô hình kinh tế làm ăn có hiệu quả⁽¹⁷⁾, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, giảm nghèo bền vững.

Bên cạnh đó UBND xã phối hợp với các Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng chính sách xã hội huyện, ngân hàng thương mại...

⁽¹⁷⁾ *Mô hình nuôi heo nái sinh sản theo hướng an toàn sinh học; Mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa như: Rau màu, dưa hấu, bí đỏ...; Mô hình sản xuất Éch giống, nuôi Éch thịt...*

đã tạo mọi điều kiện cho người dân vay vốn phát triển sản xuất, nhất là trồng trọt và chăn nuôi, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

Ban chỉ đạo xã chỉ đạo bộ phận phụ trách kết hợp với Ban nhân dân các ấp, tổ chức điều tra phiếu thu nhập toàn bộ các hoạt động trên địa bàn toàn xã. Qua kết quả điều tra và thu thập số liệu của từng biểu, từ biểu 1 đến biểu 8 (thu từ trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh cá thể và thu từ tiền công, tiền lương) đạt 75,25 triệu đồng/người/năm và được Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh xác nhận đạt tiêu chí theo qui định⁽¹⁸⁾.

***Tự đánh giá: Đạt**

4.11. Tiêu chí số 11: Nghèo đa chiều:

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (trừ các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội) chiếm dưới 2.5%.

b) Kết quả thực hiện

- Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các ngành có liên quan thường xuyên gặp gỡ, quan tâm, đối thoại với hộ nghèo để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, những khó khăn của các hộ nghèo, cận nghèo... Từ đó, có giải pháp giúp đỡ tháo gỡ, động viên hộ nghèo, cận nghèo vươn lên thoát nghèo, thoát cận nghèo bền vững.

- Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội để hỗ trợ cho hộ nghèo⁽¹⁹⁾. Qua kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều cuối năm 2023. Toàn xã có 23 hộ nghèo, 84 cận nghèo (trong đó có 12 hộ nghèo, 31 cận nghèo ngoài tuổi lao động và không có khả năng lao động) sau khi đã trừ các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo ngoài tuổi lao động và không có khả năng lao động còn 64 hộ chiếm 1,78% so với số hộ chung.

c) Tổng kinh phí thực hiện: 8,63 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn Trung ương: 7,57 tỷ đồng.*

+ *Vốn tỉnh: 0,75 tỷ đồng.*

+ *Vốn huyện: 0,08 tỷ đồng.*

***Tự đánh giá: Đạt**

4.12. Tiêu chí số 12: Lao động.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

⁽¹⁸⁾ Công văn số 752/CTK-TKXH ngày 24/11/2023 của Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh.

⁽¹⁹⁾ Dự án Na Uy hỗ trợ 124 hộ dân cho vay vốn chăn nuôi; Cho vay ưu đãi hộ nghèo, cận nghèo và thoát nghèo; Tặng 6550 phần quà cho hộ nghèo và các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ covid 19...

4.12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ($\geq 75\%$).

4.12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ($\geq 30\%$).

4.12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn ($\geq 35\%$).

b) Kết quả thực hiện:

- Xã đã thực hiện hoàn thành hồ sơ cho 38 lao động đi làm nước ngoài theo hợp đồng, tạo việc làm mới 1.983 lao động trong và ngoài tỉnh. Bên cạnh tập trung cho công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn như: Về chăn nuôi, trồng trọt; phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề ngắn hạn cho người lao động nông thôn như đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, may gia công... có hơn 750 người tham gia, nhằm tạo mọi điều kiện làm ăn để duy trì việc làm thường xuyên cho 8.702 lao động tại địa phương, cụ thể:

4.12.1. Hiện nay trên địa bàn xã có 6.731/8.702 lao động có việc làm qua đào tạo, đạt 77,35% (Đạt).

4.12.2. Nhằm đảm bảo chất lượng, yêu cầu của công việc, các trường dạy nghề, Cao Đẳng, Đại học đã mở nhiều lớp tập huấn chuyên môn, nhiều ngành nghề học khác nhau với hình thức học trực tuyến, hệ vừa học, vừa làm... đã thu hút nhiều người trong độ tuổi lao động tham gia tốt các khóa học nên từ đó tỷ lệ người lao động được cấp văn bằng, chứng chỉ ngày càng tăng cao được 3.092/8.702 người đạt 35,3% (Đạt).

4.12.3. Diện tích đất nông nghiệp chiếm trên 90% diện tích của toàn xã chủ yếu là trồng lúa, dưa, rau màu, nuôi thủy sản nên lực lượng tham gia lao động trong ngành kinh tế chủ lực có 3.147/8.702 đạt 36,16% (Đạt).

c) Tổng kinh phí thực hiện: 3,99 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn tỉnh: 0,19 tỷ đồng

- Vốn tính dụng: 3,8 tỷ đồng.

***Tự đánh giá: Đạt**

4.13. Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí

4.13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định (≥ 1).

4.13.2. Xã có ít nhất 01 sản phẩm được công nhận đạt chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên và còn thời hạn (≥ 1).

4.13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm (≥ 1).

4.13.4. Có ít nhất 01 sản phẩm chủ lực có ứng dụng chuyên đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc (≥ 1).

4.13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử ($\geq 10\%$).

4.13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng (Đạt)

4.13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội (nếu có) (Đạt)

4.13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) (≥ 1).

b) Kết quả thực hiện

4.13.1. Xã có 01 Hợp tác xã (Nông nghiệp Tập Ngãi), với 134 thành viên, hoạt động hiệu quả và đảm bảo đúng theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012. Hợp tác xã hoạt động chủ yếu thu mua lúa cho thành viên HTX, hoạt động quản lý chợ xã. Hợp tác xã ký kết hợp đồng liên kết ổn định (năm 2022-2023) với cơ sở thu mua lúa Hoàng Nguyên để thu mua lúa (Sản phẩm lúa) cho thành viên HTX theo mùa vụ với diện tích 15 ha. Qua đánh giá HTX theo Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hợp tác xã đạt loại khá.

4.13.2. Sản phẩm gạo Cô Ba của Công ty TNHH Gạo sạch Quốc Lê đã được UBND huyện công nhận⁽²⁰⁾ đạt OCOP 3 sao (Đạt).

4.13.3. Tại ấp Ông Xây có một tổ hợp tác sản xuất lúa chất lượng cao với diện tích 10 ha. Trong quá trình sản xuất lúa chủ yếu sử dụng phân bón sinh học nhằm bảo vệ môi trường, giảm chi phí, tăng năng suất và áp dụng cơ giới hóa trong các khâu sản xuất (Đạt).

4.13.4. Sản phẩm gạo Cô Ba của Công ty TNHH Gạo Sạch Quốc Lê⁽²¹⁾ thực hiện truy xuất nguồn gốc. (Đạt).

4.13.5. Sản phẩm Gạo đã được Công ty quảng bá rộng rãi trên mạng internet, Zalo, Facebook, Lazada, shopee... nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giá cả thị trường, qua đó đã kết nối được đầu ra cho sản phẩm, nâng cao thu nhập ổn định cho người dân trên địa bàn xã đạt tỷ lệ 50% (Đạt).

⁽²⁰⁾ Quyết định số 3158/QĐ- UBND huyện Tiểu Cần ngày 12/10/2023.

⁽²¹⁾ Chứng nhận của Tổng cục đo lường chất lượng ngày 11/7/2023.

4.13.6. Xã được Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh cấp mã vùng trồng lúa với diện tích 143,1 ha của 185 hộ ⁽²²⁾(Đạt).

4.13.7. Trên địa bàn xã có 01 điểm du lịch kết hợp nghỉ dưỡng (Homestay Lê Ngân) tại ấp Lê Văn Quới, được quảng bá rộng rãi qua các trang mạng Internet, zalo, facebook, trang thông tin điện tử của xã. Homestay đã đón nhiều đoàn khách trong và ngoài nước đến tham quan, nghỉ dưỡng. (Đạt).

4.13.8. Tại ấp Ngãi Hòa có mô hình trồng lan Mokara, trồng cao kiềng trong vườn dứa, để phục vụ cho việc trang trí hoa tươi⁽²³⁾với diện tích 800 m². Trong canh tác giống hoa lan, hộ áp dụng kỹ thuật trồng lan trong nhà kính, chịu được giông gió, thông thoáng, có ánh sáng để lan phát triển nhanh, có hệ thống phun sương, hệ thống điều khiển tự động và trong canh tác sử dụng phân bón sinh học để không gây ô nhiễm môi trường, lợi nhuận trung bình mỗi tháng trên 10.000.000đ (Đạt).

c) Tổng kinh phí thực hiện: 5,25 tỷ đồng, trong đó:

- **Vốn Trung ương: 0,16 tỷ đồng.**

- **Vốn địa phương:**

+ **Vốn tỉnh: 0,13 tỷ đồng.**

- **Vốn tín dụng: 3,5 tỷ đồng.**

- **Vốn lồng ghép: 0,32 tỷ đồng.**

- **Vốn doanh nghiệp: 1 tỷ đồng**

- **Vốn dân: 0,14 tỷ đồng**

***Tự đánh giá: Đạt**

4.14 Tiêu chí số 14: Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí

4.14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ($\geq 95\%$).

4.14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ($\geq 90\%$).

4.14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ($\geq 40\%$).

4.14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử ($\geq 70\%$).

b) Kết quả thực hiện

⁽²²⁾ Giấy xác nhận số 70/GXN – SNN ngày 21/6/2023 của Sở Nông Nghiệp tỉnh Trà Vinh

⁽²³⁾ Hộ chị Nguyễn Thị Thơ, ấp Ngãi Hòa, xã Tập Ngãi

Từ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho đối tượng người có công, bảo trợ xã hội, cán bộ, công chức, viên chức, hộ nghèo, hộ cận nghèo... Bên cạnh đó UBND xã chỉ đạo cho các ngành có liên quan tập trung vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, hướng dẫn các nội dung nhằm thực hiện đảm bảo các yêu cầu của người dân về y tế, cụ thể như sau:

4.14.1. Hiện nay, trên địa bàn xã có 13.230/13.921 người tham gia Bảo hiểm y tế đạt 95,04% (Đạt).

4.14.2. Người dân được quản lý sức khỏe được 15.989/13.921 người đạt 114,86% (Đạt).

4.14.3. Người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa đạt 1217/2.930 đạt 41,54% (Đạt).

4.14.4. Người dân có số khám chữa bệnh điện tử được 4.762/2.930 đạt 162,53 % (Đạt).

c) Tổng kinh phí thực hiện: 10,54 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Trung ương: 2,239 tỷ đồng.

- Vốn địa phương:

+ Vốn tỉnh: 0,5 tỷ đồng.

+ Vốn doanh nghiệp: 1,5 tỷ đồng

+ Vốn dân: 6,3 tỷ đồng

Tự đánh giá: Đạt

4.15. Tiêu chí số 15: Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí

4.15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (Đạt).

4.15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên (Đạt).

4.15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định không để xảy ra khiếu nại vượt cấp (Đạt).

b) Kết quả thực hiện

4.15.1. UBND xã đã đầu tư, bố trí trang thiết bị, cơ sở vật chất tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của xã (gọi tắt là Bộ phận Một cửa) để nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, cụ thể:

- Mỗi cán bộ, công chức tại Bộ phận Một cửa được bố trí 01 máy tính, có chứng thư số, tại Bộ phận Một cửa xã có trang bị máy in, máy scan, điện thoại cố định, có mạng wifi kết nối internet phục vụ người dân. Cán bộ, công chức trực tiếp tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính được đào tạo trình độ ứng dụng công nghệ thông tin (có chứng chỉ tin học ứng

dụng theo quy định); tập huấn sử dụng phần mềm Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính (phần mềm igate, phần mềm Uchi), đã đáp ứng được yêu cầu tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân.

- Thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua Cổng Dịch công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Bộ phận Một cửa của xã đã ứng dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh vào tiếp nhận, xử lý hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC cho công dân. Đã tiếp nhận, nhập thông tin hồ sơ TTHC vào phần mềm quản lý của hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và giải quyết 6.636 hồ sơ TTHC cho công dân đúng hạn, đạt 100%.

- UBND xã có tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 -2030 (Đạt).

4.15.2. UBND xã đã cung cấp dịch vụ công toàn trình 21 thủ tục, dịch vụ công 1 phần 60 thủ tục. UBND xã có hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên theo quy định. Năm 2023, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 trở lên trên tổng số hồ sơ đạt 96,82% so với hồ sơ tiếp nhận (61/66 hồ sơ) (Đạt).

4.15.3. UBND xã thực hiện niêm yết công khai đầy đủ các danh mục TTHC, nội dung TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và có thông báo tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính tại Bộ phận Một cửa của UBND xã.

- 100% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền được tiếp nhận, xử lý và trả kết quả giải quyết trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Áp dụng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC để tiếp nhận, xử lý và trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

- Trong những năm gần đây và năm 2023, tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC thực tế của xã được giải quyết đúng hạn. UBND xã chưa nhận được phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những người, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa của xã.

- Đánh giá mức độ hài lòng của người dân trong quá trình giải quyết TTHC có tỷ lệ hài lòng và rất hài lòng đạt 100%. (Đạt).

c) Tổng kinh phí thực hiện: 0,5 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn địa phương:*

+ *Vốn huyện: 0,4 tỷ đồng.*

+ *Vốn xã: 0,1 tỷ đồng*

***Tự đánh giá: Đạt**

4.16. Tiêu chí số 16: Tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí

4.16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận ($\geq 1\%$).

4.16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành ($\geq 90\%$).

4.16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu ($\geq 90\%$).

b) Kết quả thực hiện

4.16.1. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, luôn được quan tâm, đảm bảo. Công tác hòa giải ở cơ sở hoạt động có hiệu quả. Được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã đã thành lập nhiều mô hình điển hình, trong đó lấy ý kiến đánh giá, đề nghị công nhận có 02 mô hình hoạt động hiệu quả: Mô hình “Tổ hòa giải người có uy tín, Mô hình tuyên truyền giáo dục cảm hóa đối tượng tại cơ sở tôn giáo của Ban quản trị chùa Ô CHHUC tại ấp Ngãi Hòa” và đã được cấp trên công nhận khen thưởng mô hình có hiệu quả⁽²⁴⁾, xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.⁽²⁵⁾ (Đạt).

4.16.2. Công tác hòa giải ở cơ sở luôn được quan tâm lãnh, chỉ đạo, Tổ hòa giải ở cơ sở luôn được kiện toàn kịp thời khi có sự thay đổi về cán bộ, do đó đáp ứng yêu cầu công tác, hàng năm hòa giải viên luôn được đào tạo, tập huấn về kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở theo qui định. Kết quả tổ hòa giải ấp nhận 12 đơn (tranh chấp ranh đất, tiền, mâu thuẫn cá nhân), được hòa giải thành 12/12 đơn đạt 100% (Đạt).

4.16.3. Ủy ban nhân dân xã, thực hiện tốt công tác phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Trà Vinh, tuyên truyền cho bà con nhân dân thuộc các nhóm đối tượng được trợ giúp pháp lý theo Điều 7 của Luật trợ giúp pháp lý năm 2017. Năm 2023 tổ hòa giải tiếp nhận 12 đơn yêu cầu có 35 người dân có liên quan, trong đó không có người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý đạt 100%. (Đạt).

c) Tổng kinh phí thực hiện: 0,16 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn địa phương:*

⁽²⁴⁾ Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 20/2/2023, QĐ số 08 ngày 23/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã Tập Ngãi và Quyết định khen thưởng số 3354/QĐ- UBND ngày 25/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần.

⁽²⁵⁾ Quyết định số 4401/QĐ-UBND ngày 09/2/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần

+ *Vốn huyện: 0,16 tỷ đồng.*

***Tự đánh giá: Đạt**

4.17. Tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Yêu cầu của tiêu chí

4.17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường (Đạt)

4.17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường ($\geq 100\%$).

4.17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định ($\geq 95\%$).

4.17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả ($\geq 35\%$).

4.17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn ($\geq 50\%$).

4.17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (100%).

4.17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường ($\geq 80\%$).

4.17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường ($\geq 85\%$).

4.17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch (Đạt).

4.17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng ($\geq 10\%$).

4.17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ($\geq 4\text{m}^2/\text{người}$).

4.17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ($\geq 70\%$).

b) Kết quả thực hiện

4.17.1. Trên địa bàn xã có 01 khu kinh doanh mua bán tập trung (chợ xã) có thành lập ban quản lý, thường xuyên tiến hành kiểm tra, sắp xếp, đảm bảo hoạt động buôn bán vào nề nếp (Đạt).

4.17.2. Xã có 239 cơ sở sản xuất, kinh doanh đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, đạt 100%. Hàng năm, UBND xã xây dựng kế hoạch kiểm tra, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn xã. Thường xuyên phối hợp với cơ quan chuyên môn của huyện, kiểm tra đối với các cơ sở, hộ gia đình sản xuất kinh doanh.

Qua đó, kịp thời xử lý những vấn đề mới phát sinh, tránh gây ô nhiễm đạt 100% (Đạt).

4.17.3. Chất thải rắn, nước thải khu dân cư tập trung, chợ, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

Đối với rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng: 5,49 tấn/ngày (tương đương 13.921 người*0,3943 kg/ngày).

Trên tuyến đường tỉnh 912, huyện lộ 9, Chợ xã, các điểm trường, có bố trí 85 thùng chứa rác để cho đơn vị thu gom về bãi chôn lấp rác tập trung của xã, xử lý đúng theo qui định. Lượng rác thu gom trung bình mỗi ngày là 0,462 tấn/ngày. Ngoài ra, Hội Cựu chiến binh xã, có thành lập 9 câu lạc bộ môi trường với 317 thành viên; Hội LHPN thành lập 01 câu lạc bộ phụ nữ dân tộc, tuyên truyền về bảo vệ môi trường với 15 thành viên; có 120 hộ gia đình tham gia mô hình phân loại, xử lý rác thải tại nguồn, lượng rác thu gom là 0,192 tấn/ngày. Đối với các hộ gia đình chưa có hệ thống thu gom, được thực hiện xử lý đúng theo hướng dẫn, để không cho chất thải đổ ra đường, ao hồ, kênh rạch. Lượng rác thải được thu gom, xử lý mỗi ngày được 4,835 tấn đạt 95,33% (Đạt).

4.17.4. Đối với nước thải sinh hoạt hộ gia đình: Xã có 3.599 hộ, lượng nước thải sinh hoạt khoảng 452 m³/ngày đêm, đã có 1.852 hộ thực hiện thu gom, xử lý nước thải bằng các biện pháp phù hợp, hiệu quả như: bể tự hoại, ao lãng... đạt 51,46%.

Ngoài ra, trên địa bàn xã có 9 tổ chức, có công trình biện pháp xử lý nước thải phù hợp (Chợ, Trạm y tế, Khu hành chính xã, Trường Mẫu giáo, 02 Trường Tiểu học, Trường Trung học cơ sở, Công an, Quân Sự) với khối lượng nước thải phát sinh khoảng 79 m³/ngày đêm, được thu gom xử lý phù hợp (Đạt).

4.17.5. Phân loại rác tại nguồn chủ yếu chia thành 3 loại: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm; Chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Việc tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phát sinh từ hộ gia đình:

+ Được sự hỗ trợ của Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện, xã đã thực hiện được mô hình thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt theo qui định.

+ Ngoài ra, Hội LHPN xã còn thành lập được 03 câu lạc bộ phụ nữ hạn chế sử dụng túi nilon, sản phẩm nhựa dùng 01 lần có 51 thành viên; 03 mô hình “Hạt gạo từ chai nhựa, lon nhôm” có 44 thành viên; 01 tổ phụ nữ xử lý rác thải tại hộ gia đình có 30 thành viên và mỗi thành viên được hỗ trợ 03 thùng rác để phân loại rác; 01 câu lạc bộ “Khu dân cư tự quản môi trường” có 40 thành viên. Từ đó, các hội viên, đoàn viên đều thực hiện tốt việc thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt theo hướng dẫn của cán bộ hội.

- Rác thải sinh hoạt phát sinh của hộ gia đình sau khi thực hiện phân loại thì được quản lý như sau:

+ Đối với chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: được hộ bán phế liệu, tái sử dụng đựng đồ đạc,...

+ Đối với chất thải thực phẩm: Được hộ ủ phân bón cây trồng, dùng làm thức ăn chăn nuôi, chôn lấp làm tăng độ phì nhiêu cho đất, một số được đơn vị thu gom vận chuyển về bãi chôn lấp rác tập trung của xã.

Hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn được 2.201/3.599 đạt 61,16% (Đạt).

4.17.6. Rác thải y tế, chất thải nguy hại từ nông nghiệp (bao bì thuốc bảo vệ thực vật), miễn chay, ly... luôn được xử lý đạt 100%.

- Đối với chất thải nông nghiệp: Tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng theo Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT và có bố trí 22 bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật, định kỳ được thu gom khoảng 1.764 kg/đợt; các loại chai, miễn thủy tinh thu gom được 1.000 kg/đợt đạt 100%.

- Đối với chất thải Y tế: Rác thải y tế tại Trạm y tế xã được xử lý theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT. Định kỳ được thu gom về kho chứa của Trung tâm y tế huyện, để xử lý theo qui định, mỗi đợt thu gom được 18 kg đạt 100%.

- Xã có xây dựng Quy ước về bảo vệ môi trường của 9 ấp, được UBND huyện phê duyệt (Đạt).

4.17.7. Xã có 2.782 hộ trồng trọt, gồm lúa, dừa, trồng rau màu và cây ăn trái nhỏ lẻ với diện tích 2.122,9. Trong năm, khối lượng phụ phẩm của các loại cây trồng phát sinh được thu gom, xử lý, tái sử dụng đạt 92,5%.

Xã có 1.015 hộ chăn nuôi gia súc gia cầm, với số lượng 43.572 con, lượng chất thải phát sinh trong năm khoảng hơn 2.383 tấn, tổng lượng chất thải được thu gom, xử lý là 2.057 tấn, đạt 86,35% (Đạt).

4.17.8. Có 966/1.015 hộ có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh. Được vệ sinh định kỳ, bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh. Không phát sinh mùi hôi thối, khó chịu, gây ảnh hưởng đến người dân xung quanh, chất thải chăn nuôi được thu gom và xử lý cơ bản đúng theo quy định đạt 95%(Đạt).

4.17.9. Nghĩa trang nhân dân có diện tích 11.339 m² và 02 nhà hỏa táng, 01 khu đất thánh được xây dựng đúng theo quy định và theo quy hoạch; việc mai táng được thực hiện phù hợp với phong tục địa phương và đúng theo quy định (Đạt).

4.17.10. Tổng số người tử vong trên địa bàn xã năm 2023 có 49 người, trong đó có 13 người sử dụng hình thức hỏa táng, đạt 26,53% (Đạt).

4.17.11. Ủy ban nhân dân xã phối hợp với các ngành đoàn thể xã, ngành huyện tập trung vận động kinh phí để trồng các tuyến đường hoa, tuyến đường cây xanh. Hiện nay, các điểm công cộng có trên 15.000 cây xanh, hoa kiểng, trung bình 68.598 m²/13.921 người = 4,9 m²/người (Đạt).

4.17.12. Chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn xã chủ yếu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động sinh hoạt hàng ngày của hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ,...

Thời gian qua, xã đã quan tâm thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động và hướng dẫn người dân thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải

nhựa. Không thải ra ao hồ, sông rạch, nơi công cộng,... làm mất vẻ mỹ quan và ô nhiễm môi trường, xã có 13.921 người, lượng rác thải nhựa phát sinh khoảng 406,25 tấn/năm (tương đương 1.113 kg/ngày), lượng rác thải nhựa được thu gom, xử lý khoảng 300,79 tấn (tương đương 824,08 kg/ngày), đạt 74,04% (Đạt).

c) Tổng kinh phí thực hiện 8.08 tỷ đồng, trong đó

- Vốn tỉnh: 1,48 tỷ đồng.
- Vốn huyện: 1,26 tỷ đồng.
- Vốn tín dụng: 1,54 tỷ đồng.
- Vốn dân: 3.55 tỷ đồng.

*** Tự đánh giá: Đạt**

4.18. Tiêu chí số 18: Chất lượng môi trường sống:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung ($\geq 55\%$).

4.18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm (≥ 60 lít).

4.18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ($\geq 40\%$).

4.18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm (100%).

4.18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã (Không).

4.18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm (100%).

4.18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch ($\geq 80\%$).

4.18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường (100%).

b) Kết quả thực hiện

4.18.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch:

+ Nước hợp vệ sinh: Toàn xã có 3.599 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt 100%.

+ Nước sạch: Tổng số hộ sử dụng nước sạch đến nay 2.136/3.599 đạt 59,35% (Đạt).

4.18.2. Trạm cấp nước xã Tập Ngãi được nâng cấp, mở rộng 45 tuyến ống dài 58.475m và các đường ống nước sạch phủ đều 9 ấp lưu lượng đảm bảo 64 lít/người/ ngày đêm (Đạt).

4.18.3. Trạm cấp nước sạch xã luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Trà Vinh, thường xuyên rà soát, nâng cấp và lắp đặt mới các tuyến ống đảm bảo phủ đều 9 ấp. Phân công cán bộ trực xuyên suốt nhằm khắc phục ngay những sự cố xảy ra và đảm bảo trạm cấp nước hoạt động bền vững đạt 100%. (Đạt).

4.18.4. Trên địa bàn xã có 854 cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm (720 thuộc lĩnh vực nông nghiệp, 75 cơ sở lĩnh vực công thương, 59 cơ sở lĩnh vực y tế) tất cả các cơ sở luôn đảm bảo đúng quy định về ATTP đảm bảo tham gia tập huấn đầy đủ đạt 100% (Đạt).

4.18.5. Trong những năm qua công tác ATTP luôn được quan tâm triển khai thực hiện, trên địa bàn xã không có trường hợp nào xảy ra ngộ độc thực phẩm.

4.18.6. Hiện nay trên địa bàn xã có 01 công ty TNHH Gạo Sạch Quốc Lê được chứng nhận về an toàn thực phẩm đạt 100%. (Đạt).

4.18.7. Hội đoàn thể xã, ấp tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân đăng ký xây dựng nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh bằng nhiều hình thức thông qua các nguồn vốn tín dụng, vốn tài trợ, vốn tự có của dân,... Kết quả đến nay toàn xã có 3.339 hộ xây dựng nhà tiêu đạt 92,77%, 3.336 hộ có nhà tắm đạt 92,26%, 3.339 hộ có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đạt 92,77% (nhà tiêu được xây dựng khép kín với diện tích phù hợp và không thải trực tiếp ra môi trường); nhà tắm kín đáo, có mái che; bể, dụng cụ chứa nước không có thành phần độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người và đảm bảo 3 sạch đúng theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”. Hội Liên hiệp phụ nữ xã phối hợp với Công ty cổ phần Sáng Tạo Xanh Việt Nam cấp 1.500 bình lọc nước cho đối tượng chưa tiếp cận nguồn nước sạch (Đạt).

4.18.8. Bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt của huyện, được xây dựng trên địa bàn xã, với diện tích là 20.862,8 m² đã đưa vào hoạt động. Đồng thời có ký kết hợp đồng với đơn vị thu gom, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100% (Đạt).

c) Tổng kinh phí thực hiện: 17 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn tỉnh: 16,5 tỷ đồng.

- Vốn dân: 0,5 tỷ đồng.

***Tự đánh giá: Đạt**

4.19. Tiêu chí số 19: Quốc phòng và an ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí

4.19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân (*Đạt*).

4.19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả (*Đạt*).

b) Kết quả thực hiện

4.19.1. Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã kịp thời ban hành Nghị quyết, kế hoạch thực hiện công tác Quốc phòng quân sự địa phương. Xây dựng đầy đủ các kế hoạch đúng theo quy định. Duy trì nghiêm công tác sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo quân số, vũ khí trang bị theo qui định.

- Hàng năm cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng - An ninh, tập huấn, huấn luyện các đối tượng đạt chỉ tiêu trên giao. Chủ động phối hợp với lực lượng công an theo Nghị định 03/NĐ-CP, Nghị định 03/NĐ-CP của Chính phủ kịp thời giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội. Công tác xây dựng lực lượng dân quân, đúng theo Luật dân quân tự vệ và đề án của UBND tỉnh. Quản lý, sử dụng lực lượng đúng theo quy định. Trong đó, chất lượng Đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ là 34/129 đồng chí chiếm 26,35%. Ban chỉ huy Quân sự có 3 đồng chí theo qui định, chi bộ quân sự có Chi ủy.

- Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt, vượt chỉ tiêu trên giao và chất lượng. Tiếp nhận, đăng ký và quản lý quân nhân xuất ngũ đúng theo Luật lực lượng dự bị động viên.

- Thực hiện tốt công tác chính sách theo quyết định số 49, 290,63... của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện tốt công tác dân vận, tham gia cùng địa phương thực hiện công tác giảm nghèo bền vững...

- Công tác hậu cần: bảo đảm nơi ăn nghỉ, học tập, công tác sinh hoạt, đầy đủ các chế độ đúng theo đề án của Tỉnh.

- Xã được tái công nhận đạt tiêu chuẩn xã vững mạnh về Quốc phòng - an ninh năm 2023⁽²⁶⁾ (*Đạt*).

4.19.2. Hàng năm Đảng ủy có đề ra Nghị quyết, UBND xã có xây dựng Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự⁽²⁷⁾; Xã được công nhận đạt tiêu chuẩn xã “an toàn về an ninh trật tự”⁽²⁸⁾. Năm 2023 trên địa bàn xã không có xảy ra khiếu kiện, đông người kéo dài; không xảy ra trọng án; tội phạm và tệ

⁽²⁶⁾ Quyết định số 3566/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần

⁽²⁷⁾ Kết quả cuối năm 2023: Công tác phòng chống tội phạm xâm phạm về trật tự xã hội: Xây ra chung 05 vụ 24 đối tượng.

⁽²⁸⁾ Quyết định số 6514/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tiểu Cần.

nạn xã hội được kiểm chế xảy ra 5 vụ với 24, giảm 3 vụ với 9 đối tượng (tỷ lệ 37%) so với năm 2022.

- Xã có 9 ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT, đạt 100%. Hiện nay, trên địa bàn xã có 06 mô hình, 08 câu lạc bộ⁽²⁹⁾ với 97 thành viên, được đánh giá hoạt động hiệu quả (Đạt).

*** Tổng kinh phí thực hiện: 1,03 tỷ đồng, trong đó:**

+ Vốn huyện: 0,86 tỷ đồng.

- Doanh nghiệp: 0,06 tỷ đồng

- Vốn dân: 0,11 tỷ đồng.

*** Tự đánh giá: Đạt**

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Tính đến thời điểm hiện tại, đơn vị xã Tập Ngãi không có nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao.

6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

- Xã giữ vững đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, tiến tới xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Phân đầu có 9 ấp của xã được công nhận là ấp nông thôn mới kiểu mẫu.

- Phân đầu thực hiện duy trì và đạt trên 90% hộ gia đình văn hóa, nông thôn mới.

- Nâng cao bộ mặt nông thôn của xã, về kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển theo hướng tích cực, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng lên và hệ thống chính trị của xã ngày càng vững mạnh.

- Nhà ở đạt chuẩn đúng quy định, đối với các căn chưa đạt chuẩn hướng tới xã tổ chức vận động xây dựng từ nguồn xã hội hóa hỗ trợ thực hiện.

- Thu nhập bình quân hàng năm đạt theo quy định.

- Xã không còn hộ nghèo (trừ hộ nghèo thuộc diện bảo trợ).

⁽³⁰⁾ Mô hình: Phát hiện, tố giác tội phạm và vây bắt tội phạm; Tuyên truyền giáo dục cảm hóa đối tượng tại cơ sở tôn giáo; Đảm bảo TTATGT đường bộ; Không ma túy, không bạo lực học đường và chấp hành tốt Luật giao thông; Vận động gây quỹ hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng; Phụ nữ quản lý, giáo dục người thân trong gia đình không phạm tội và TNXH. Câu lạc bộ: Phát hiện, tố giác tội phạm và vây bắt tội phạm(Ông Xây, Đại Sư, Ngãi Hòa, Ngãi Trung, Lê Văn Quới); 02 CLB Tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa đối tượng(Chùa Ô CHHUC ấp Ngãi Hòa, Nhà thờ Tập Ngãi); 02 CLB Đảm bảo TTATGT đường bộ(ấp LVQ-GT, Ông Xây- Cây Gáo- Ngãi Hòa- Ngãi Trung); Vận động gây quỹ hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng, Phụ nữ quản lý, giáo dục người thân trong gia đình không phạm tội và TNXH ở ấp Cây Ôi.

- Duy trì từ 95% trở lên hộ trên địa bàn xã có tham gia bảo hiểm y tế.
- Có trên 80% hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Xã Tập Ngãi có đầy đủ các văn bản theo quy định.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Tập Ngãi đã được UBND huyện Tiểu Cần thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Tính đến thời điểm được UBND huyện thẩm tra, đơn vị xã Tập Ngãi không có nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan đến công tác xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

III. KIẾN NGHỊ

Chủ tịch UBND tỉnh thẩm tra công nhận xã Tập Ngãi đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TT.BCĐ tỉnh;
- VPĐP tỉnh;
- TT.HU;
- TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- BCĐ huyện;
- VPĐP huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT, KTNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH